



2018



Số điện thoại: (+84) 225.626.3333

Số fax: (+84) 225.353.3679

Website: quangbinhjsc.com.vn

Địa chỉ: Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

| | | |
|------------|--|----|
| A | TỔNG QUAN | |
| | Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 08 |
| | Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs) | 10 |
| | Tầm nhìn – Sứ mệnh | 11 |
| | Giá trị cốt lõi | 12 |
| | Triết lý kinh doanh | 12 |
| B | CHIẾN LƯỢC | |
| | Thông tin chung về doanh nghiệp | 16 |
| | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 20 |
| | Phân tích SWOT | 22 |
| | Các rủi ro trọng yếu (Rủi ro chung và rủi ro đặc thù) | 24 |
| | Mô hình kinh doanh và nội lực | 26 |
| | Định hướng phát triển giai đoạn 5 năm | 29 |
| | Vị thế doanh nghiệp | 30 |
| C | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | |
| I | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | |
| | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2018 | 32 |
| | Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án | 38 |
| | Tình hình tài chính năm 2018 | 39 |
| | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 41 |
| II | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | |
| | Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty | 42 |
| | Hoạt động của Hội đồng quản trị | 42 |
| | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc | 43 |
| III | BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN | |
| | Công ty con | 44 |
| D | QUẢN TRỊ CÔNG TY | |
| | Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông | 50 |
| | Giới thiệu Hội đồng quản trị | 52 |
| | Hoạt động của Ban Kiểm soát. | 58 |
| | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc | 61 |
| E | PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | |
| | Triết lý kinh doanh | 64 |
| | Bước đột phá về Logistics | 64 |
| | Các tiêu chuẩn về kinh tế | 66 |
| | Các tiêu chuẩn về môi trường và cộng đồng | 66 |
| F | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018 | 67 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

A TỔNG QUAN

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

Tâm nhìn – Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

Triết lý kinh doanh

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư, Năm 2018 khép lại với nhiều mảng màu sáng, tối đan xen do những biến động kinh tế toàn cầu mang lại. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm 2018 có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, giá dầu bình quân tăng mạnh lên tới 75 USD/thùng.

Năm 2018, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể:

Tính chung cả năm 2018, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 244,72 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017 và kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 237,51 tỷ USD, tăng 11,5% so với năm trước.

Sang quý IV/2018, giá phân bón trên thị trường thế giới tăng mạnh. Cụ thể, so với tháng 10/2018, giá Ure đạt 408 USD/tấn, tăng 23,63% so với cùng kỳ năm 2017 - mức cao nhất kể 3 năm trở lại đây; Kali tăng 2 USD/tấn, đạt 366 USD/tấn so với tháng 10/2018; phân DAP, MAP tăng 5 USD/tấn mỗi chủng loại, đạt tương ứng 506 USD/tấn và 528 USD/tấn. Giá tăng bởi biến động tăng mạnh của giá dầu thô và giá than thế giới, đồng thời, nguồn cung sản xuất phân bón lớn từ Trung Quốc cắt giảm công suất tới 50% kể từ đầu năm 2017. Bên cạnh đó, việc Ấn Độ thông báo mở thầu nhập khẩu Amoniac và Ure khiến giá phân bón thế giới gia tăng.

Trong nước, giá các loại phân bón vô cơ bất ngờ tăng mạnh vào thời điểm cuối năm, đồng thời được hưởng lợi từ chính sách thuế tự vệ giúp giá phân bón DAP, MAP trong nước tăng mạnh. Nguồn nguyên liệu đầu vào (URE, DAP) để sản xuất phân phức hợp NPK tăng giá kéo theo các doanh nghiệp sản xuất phân bón nội địa buộc phải tăng giá bán.

Đứng trước những biến động mạnh từ lĩnh vực phân bón, hóa chất - là mặt hàng kinh doanh truyền thống và chủ lực của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS), trong năm 2018, Công ty đã gặp phải nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ nên kết quả sản xuất, kinh doanh chưa hoàn thành kế hoạch đề ra ở một số chỉ tiêu như:

Doanh thu thuần năm 2018 của QBS đạt 2.186,5 tỷ đồng, đạt 72,88% so với kế hoạch năm 2018, giảm 37,43% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 59,3 tỷ đồng, chiếm 65,89% so với chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tuy gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ phân bón, hóa chất nhưng lợi nhuận của Công ty vẫn tăng 63,24% so với năm 2017. *Dự báo trong năm 2019, những vấn đề chung mà toàn ngành phân bón có thể phải đối mặt, cụ thể:*

■ Dự kiến nhu cầu tiêu thụ phân bón sẽ không tăng trưởng trong nửa đầu năm 2019 bởi diễn biến phức tạp của tình hình thời tiết ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp, nhu cầu tiêu thụ một số mặt hàng nông sản (cà phê, hồ tiêu, cao su,..) do tăng giá chi phí đầu vào có thể bị chững lại.

■ Tỷ suất lợi nhuận gộp các doanh nghiệp ngành phân bón trong nước sẽ ổn định trở lại sau các biến động mạnh năm 2018, giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sản xuất phân bón.

■ Sự cạnh tranh gay gắt về thị phần đối với các doanh nghiệp ở phân khúc NPK, xu hướng chuyển dịch sang sử dụng phân bón NPK chất lượng cao.

Với những nhận định trên, đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS) đặt ra chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019 như sau:

Doanh thu thuần dự kiến năm 2019 từ 2.000 tỷ đồng đến 2.300 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019 là 50 tỷ đồng.

Khó khăn và thách thức là tất yếu trên chặng đường chinh phục những mục tiêu mới. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng: với sự tin nhiệm, ủng hộ của Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2019 và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, đồng hành của Quý vị!

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

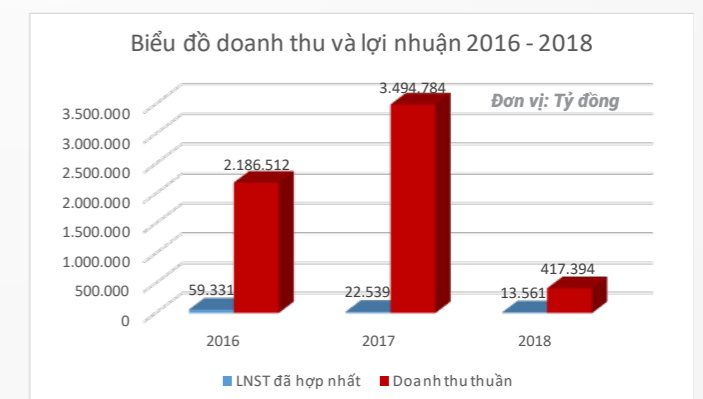
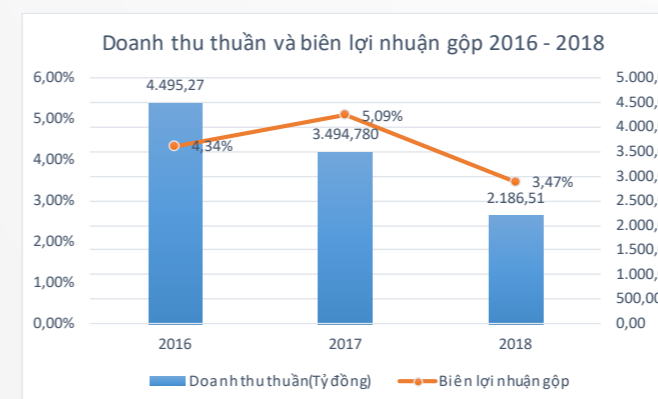
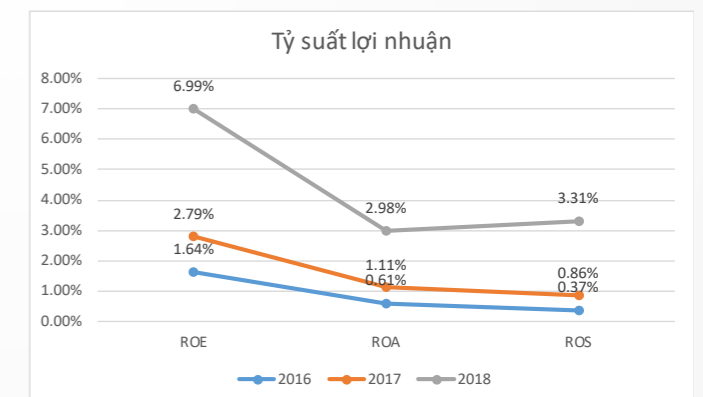
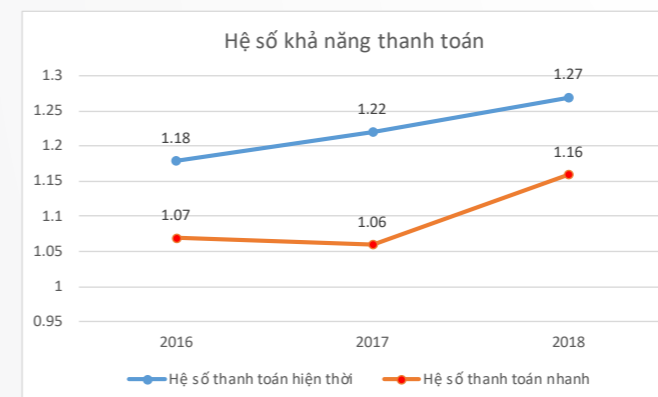
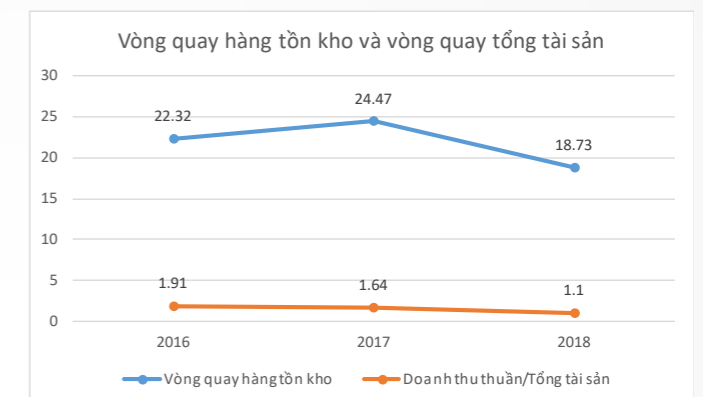
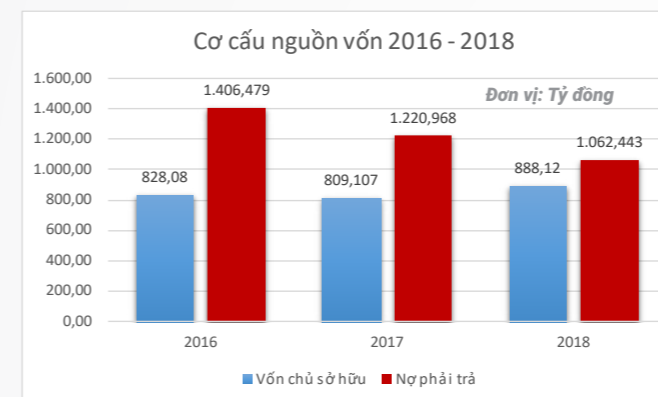
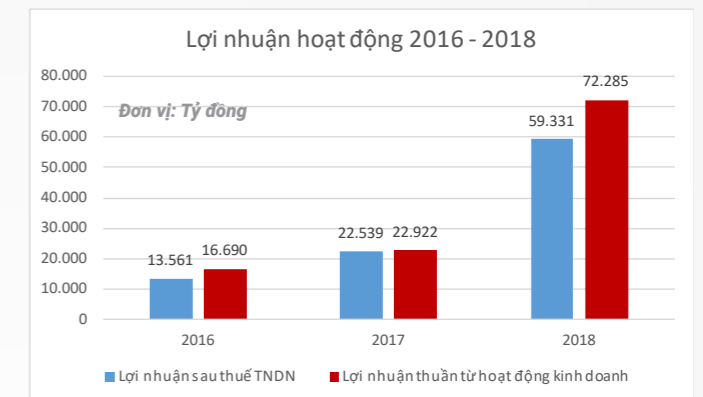
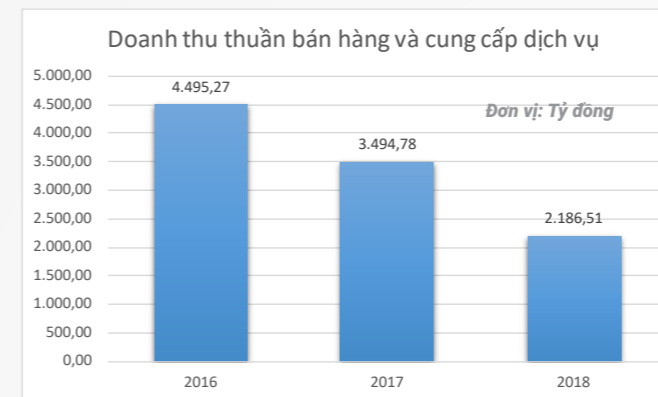
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Khó khăn và thách thức là tất yếu trên chặng đường chinh phục những mục tiêu mới. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng: với sự tin nhiệm, ủng hộ của Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2019 và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN

| Chỉ tiêu hợp nhất | 2018 | 2016 | 2017 | Đơn vị |
|--|-----------|-----------|-----------|------------|
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.186,512 | 4.495,270 | 3.494,784 | Tỷ đồng |
| GVHB | 2.110,561 | 4.300,199 | 3.316,798 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận gộp | 75,952 | 195,071 | 177,986 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 72,285 | 16,690 | 29,922 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 72,799 | 17,895 | 28,686 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 59,331 | 13,561 | 22,539 | Tỷ đồng |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 0,856 | 0,185 | 0,325 | Nghìn đồng |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tổng tài sản | 1.950,56 | 2.234,56 | 2.030,075 | Tỷ đồng |
| Vốn chủ sở hữu | 888,12 | 828,08 | 809,107 | Tỷ đồng |
| Vốn góp chủ sở hữu | 693,30 | 633,30 | 693,299 | Tỷ đồng |

| Chỉ tiêu Công ty mẹ | 2016 | 2017 | 2018 | Đơn vị |
|--|-----------|-----------|-----------|---------|
| Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.173,940 | 3.494,784 | 2.133,292 | Tỷ đồng |
| GVHB | 3.999,833 | 3.316,798 | 2.065,663 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận gộp | 174,107 | 177,986 | 67,628 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 22,983 | 29,922 | 69,064 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 24,023 | 28,686 | 69,444 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 19,503 | 22,539 | 56,625 | Tỷ đồng |
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tổng tài sản | 2.163,393 | 2.030,075 | 1.917,075 | Tỷ đồng |
| Vốn chủ sở hữu | 787,901 | 809,107 | 865,732 | Tỷ đồng |
| Vốn góp chủ sở hữu | 693,299 | 693,299 | 639,299 | Tỷ đồng |



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng tốt nhất (Excellence): Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn

Chính trực (Integrity): Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng

Chuyên nghiệp (Professionalism): Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh

Đổi mới (Innovation): Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng

Chăm sóc (Caring): Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp



TRIẾT LÝ KINH DOANH

"Giá trị bền vững cho nhà nông" là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được "Trách nhiệm xã hội" của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.



Tầm nhìn:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất, cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

- Đồng thời, việc cảng cạn ICD Quảng Bình Đình Vũ đã được cấp phép hoạt động vào cuối năm 2018, ICD Quảng Bình - Đình Vũ trong năm 2019 sẽ đi vào hoạt động với các hạng mục trọng điểm như: Kho Ngoại quan, Kho hàng đông lạnh, Bãi container, máy soi container, Điểm làm việc của Hải quan...

- Trong những năm tiếp theo, CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới TRỞ THÀNH một trong những CẢNG CẠN LỚN NHẤT khu vực phía Bắc, cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu ở Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung.

Sứ mệnh:

Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

Việc đầu tư ICD Quảng Bình - Đình Vũ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình; không chỉ phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty mà còn đáp ứng nhu cầu các doanh nghiệp đang hoạt động tại khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải cũng như của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu qua hệ thống cảng Đình Vũ, Lạch Huyện.

Bên cạnh đó, giúp giảm tải cho hệ thống cảng biển ở Hải Phòng và thúc đẩy hoạt động của hệ thống cảng biển trên địa bàn phát triển trong thời gian tới.



B

CHIẾN LƯỢC

Thông tin chung về doanh nghiệp

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Phân tích SWOT

Các rủi ro trọng yếu (Rủi ro chung và rủi ro đặc thù)

Mô hình kinh doanh và nội lực

Định hướng phát triển giai đoạn 5 năm

Vị thế doanh nghiệp



THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin khái quát

| | |
|------------------------------|---|
| Tên Công ty | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình |
| Tên tiếng Anh | Quang Binh Import & Export Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | Quang Binh JSC |
| Trụ sở chính | Số 23 lô 01 – Khu 97 Bạch Đằng – P. Hạ Lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng |
| Vốn điều lệ | 693.299.280.000 đồng (Sáu trăm chín mươi ba tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) |
| Điện thoại | (84.225) 626 3333 |
| Fax | (84.225) 353 3679 |
| Email | Info@quangbinhjsc.com.vn |
| Website | http://www.quangbinhjsc.com.vn |
| Ngành nghề | - Sản xuất kinh doanh phân bón – hóa chất và hàng nông sản, thực phẩm đông lạnh nhập khẩu. - Cung cấp các dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan, điểm thông quan hàng hóa. - Kinh doanh các dịch vụ Logistics trong cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ. |
| Giấy phép đăng ký kinh doanh | Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng kí lần đầu ngày 12/03/2017; đăng kí thay đổi lần thứ 28 ngày 05/04/2017. |
| Mã chứng khoán | QBS |
| Nơi niêm yết | Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) |
| Khối lượng đang NY | 69.329.928 cổ phiếu |
| Giá chào sàn | 19.200 đồng/cổ phiếu |
| Ngày niêm yết đầu tiên | 13/11/2014 |
| Tổng giá trị NY | 693.299.280.000 đồng |
| Tổ chức tư vấn | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB |
| Tổ chức kiểm toán | Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) |



* LOGO THƯƠNG HIỆU
Công Ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

2. Quá trình hình thành và phát triển

| | |
|------------|---|
| 03/2007 | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hảo Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản. |
| 2010 | Thông qua 2 đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Công ty đã nâng vốn điều lệ lên 9.9 tỷ đồng |
| 06/2011 | Tăng vốn điều lệ từ 9.9 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. |
| 01/2012 | Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời, mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng. |
| 2013 | Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng. |
| 16/09/2015 | Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán: QBS |
| 12/2015 | Khánh thành Nhà máy Barite tại Xavannakhet – Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 08/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ. |
| 01/2012 | Đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ |
| 2016 | QBS nâng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng. |
| 2017 | Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty. |

3. Thành tích nổi bật

| | |
|------|--|
| 2009 | Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009 |
| | Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009 |
| 2010 | Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng |
| 2011 | Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng |
| | Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng |
| | Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp |
| | Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011 |
| 2012 | Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp |
| | Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng |
| | Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp |
| 2013 | Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế |
| | Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên |
| | Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013 |
| 2014 | Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam cấp |
| | Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển cấp |
| | Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013 |
| 2014 | Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014 |
| | Chứng nhận Doanh nhân, doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014 |
| | Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng |

4. Các sự kiện nổi bật năm 2018



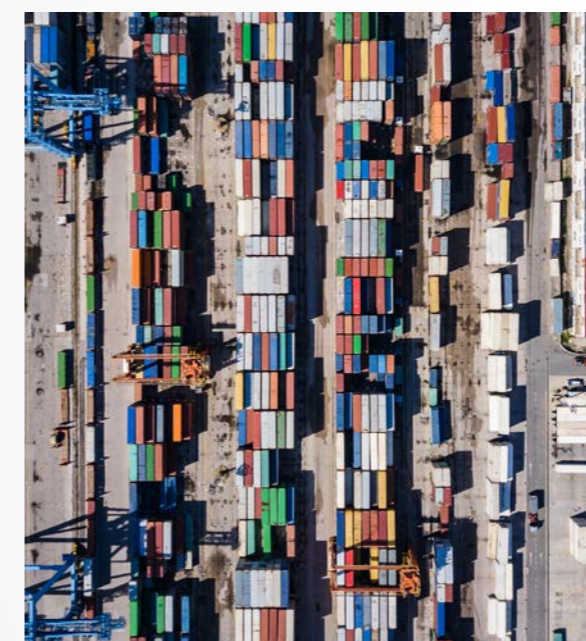
01
03/2018

Nhập khẩu và phân phối 15.000 tấn lưu huỳnh từ Qatar đáp ứng kịp thời nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho các Nhà máy sản xuất.



02
20/06/2018

ICD Đình Vũ - Quảng Bình chính thức nằm trong quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn VN giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030



03
11/10/2018

Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Nguyễn Văn Công ký quyết định 2200/QĐ-BGTVT về công bố mở cảng cạn Đình Vũ - Quảng Bình.



04
19/12/2018

Tổng cục Hải Quan công nhận địa điểm làm thủ tục Hải Quan tại cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ với tổng diện tích gần 185.000m², nằm trong KCN Đình Vũ, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Địa bàn kinh doanh

- **Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đỉnh Vũ:** Khu công nghiệp Đỉnh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Khu kinh tế Đỉnh Vũ – Cát Hải, Hải Phòng.
- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long (tỷ lệ sở hữu: 99%).
Xóm 6 Cống Chanh, Xã Đông Sơn, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- **Văn phòng đại diện Móng Cái:** Số 30 khu Thượng Trung, Ninh Dương, Móng Cái, Quảng Ninh.
- **Chi nhánh Quảng Bình:** Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình.
- **Kho ngoại quan Lào Cai:** Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- **02 Bãi trung chuyển và kiểm hóa Điện Biên:** Huyện Mường Chà & Mường Nhé, Điện Biên.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



2. Sản phẩm dịch vụ cung cấp chủ yếu

Với mảng kinh doanh phân bón – hóa chất:

Với mảng kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ xuất nhập khẩu: Được kỳ vọng đem lại doanh thu hơn 400 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 20%, ICD Quảng Bình - Đỉnh Vũ là dự án trọng điểm mang tính đột phá của Công ty Xuất Nhập khẩu Quảng Bình, cuối năm 2018, đã hoàn thành giai đoạn I, được thông qua việc mở cảng và công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại ICD Quảng Bình - Đỉnh Vũ.

Việc đầu tư ICD Quảng Bình - Đỉnh Vũ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển của Công ty CPXNK Quảng Bình; không chỉ phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty mà còn đáp ứng nhu cầu các doanh nghiệp đang hoạt động tại khu kinh tế Đỉnh Vũ - Cát Hải cũng như của các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu qua hệ thống cảng Đỉnh Vũ, Lạch Huyện.



Với mảng kinh doanh nông sản, thực phẩm đông lạnh nhập khẩu của Công ty:



PHÂN TÍCH S.W.O.T



ĐIỂM YẾU

Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản hiện vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó quy mô vẫn ở mức nhỏ so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.



ĐIỂM MẠNH

Với 11 năm xây dựng và phát triển, Quảng Bình là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất phân bón, hóa chất, hàng nông sản và cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu.

Xây dựng được mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước, bao gồm nhiều tập đoàn đa quốc gia: Deawoo International Corporation (Hàn Quốc), Samsung C&T Corporation (Singapore),...

Chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại.



CƠ HỘI

Đối với các lĩnh vực kinh doanh kho ngoại quan và cửa hàng miễn thuế, chính sách quản lý chặt chẽ của Chính phủ trong những năm gần đây đã tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững vàng như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Dự án đầu tư cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ gắn với nhiều lợi thế về địa lý tự nhiên, sự thuận lợi trong việc kết nối cơ sở hạ tầng và tiềm năng phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực Logistics đem lại doanh thu và lợi nhuận vượt trội chính là cơ hội phát triển quan trọng giúp nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh toàn cầu của Công ty.

THÁCH THỨC

Mức độ cạnh tranh cao cùng xu hướng giảm giá phân bón của thị trường thế giới ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của công ty. Thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng đang khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực dịch vụ Logistics ngày càng gia tăng, trong khi, cảng cạn ICD - dự án trọng điểm của Công ty (đã đầu tư hoàn thành giai đoạn I và đang tiếp tục triển khai xây dựng) mới được đưa vào khai thác từ cuối tháng 12/2018. Do đó, cần phải có chiến lược cụ thể cho từng thời kỳ để gia tăng sức cạnh tranh, phát huy lợi thế của ICD Quảng Bình - Đình Vũ và mang lại hiệu quả kinh tế.



CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách của chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế cũng như chính sách phát triển ngành,... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.



RỦI RO VỀ LẠM PHÁT

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, CPI bình quân năm 2018 tăng 3,5% so với bình quân năm 2017, tăng 2,98% so với tháng 12 năm 2017. Mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018. Các ban ngành điều hành chính sách thực thi kiềm chế lạm phát được triển khai quyết liệt và linh hoạt ứng phó với biến động lạm phát hàng tháng trong năm. Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nới lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng quy mô kinh doanh.



RỦI RO VỀ TỶ GIÁ VÀ LÃI SUẤT

Rủi ro tỷ giá: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này. Rủi ro lãi suất: bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài thương mại phân bón, Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Bình còn tham gia sản xuất các loại phân NPK và phân lân. Hoạt động sản xuất phân bón thải ra môi trường một lượng chất độc hại rất lớn. Các khí thải ra như CO₂, SO₂, NO₂, và một số loại chất thải rắn... đây đều là những nhân tố gây ô nhiễm không khí và hiệu ứng nhà kính.

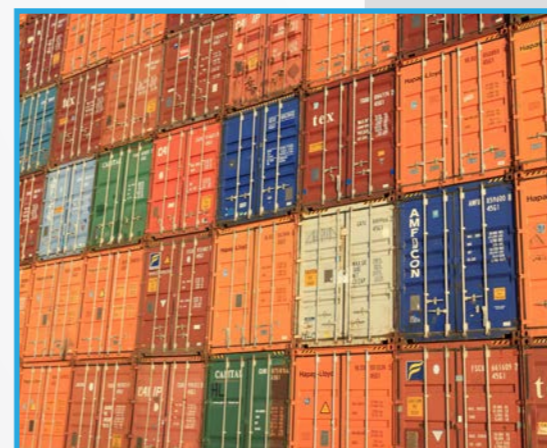
Hơn nữa, chất hóa học dư thừa từ phân bón thải ra môi trường nước và bốc hơi vào không khí cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm. Do đó xu hướng sản xuất các loại phân chậm tan, hạn chế bị rửa trôi và bốc hơi cũng như công nghệ sản xuất ít gây ô nhiễm môi trường sẽ đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp phân bón nói riêng và Công ty Quảng Bình nói riêng.



RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, CPI bình quân năm 2018 tăng Dưới góc độ cạnh tranh, hiện nay, thị trường phân bón trong nước được đánh giá là có mức độ cạnh tranh cao với trên 500 doanh nghiệp sản xuất phân vô cơ, hàng ngàn cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ. Bên cạnh đó việc hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng đang khiến không ít doanh nghiệp gặp phải khó khăn.

Dưới góc độ rủi ro nguyên liệu đầu vào của hoạt động sản xuất phân bón của Công ty, hiện nay Công ty mới chủ yếu sản xuất phân NPK trộn. Một điều thuận lợi cho hoạt động này tại Công ty, đó là các loại nguyên liệu đầu vào này hầu hết chính là các loại mặt hàng phân đạm mà Công ty đang trực tiếp mua bán thương mại hằng ngày, do đó Công ty có thể đảm bảo được hầu hết nguyên liệu đầu vào.

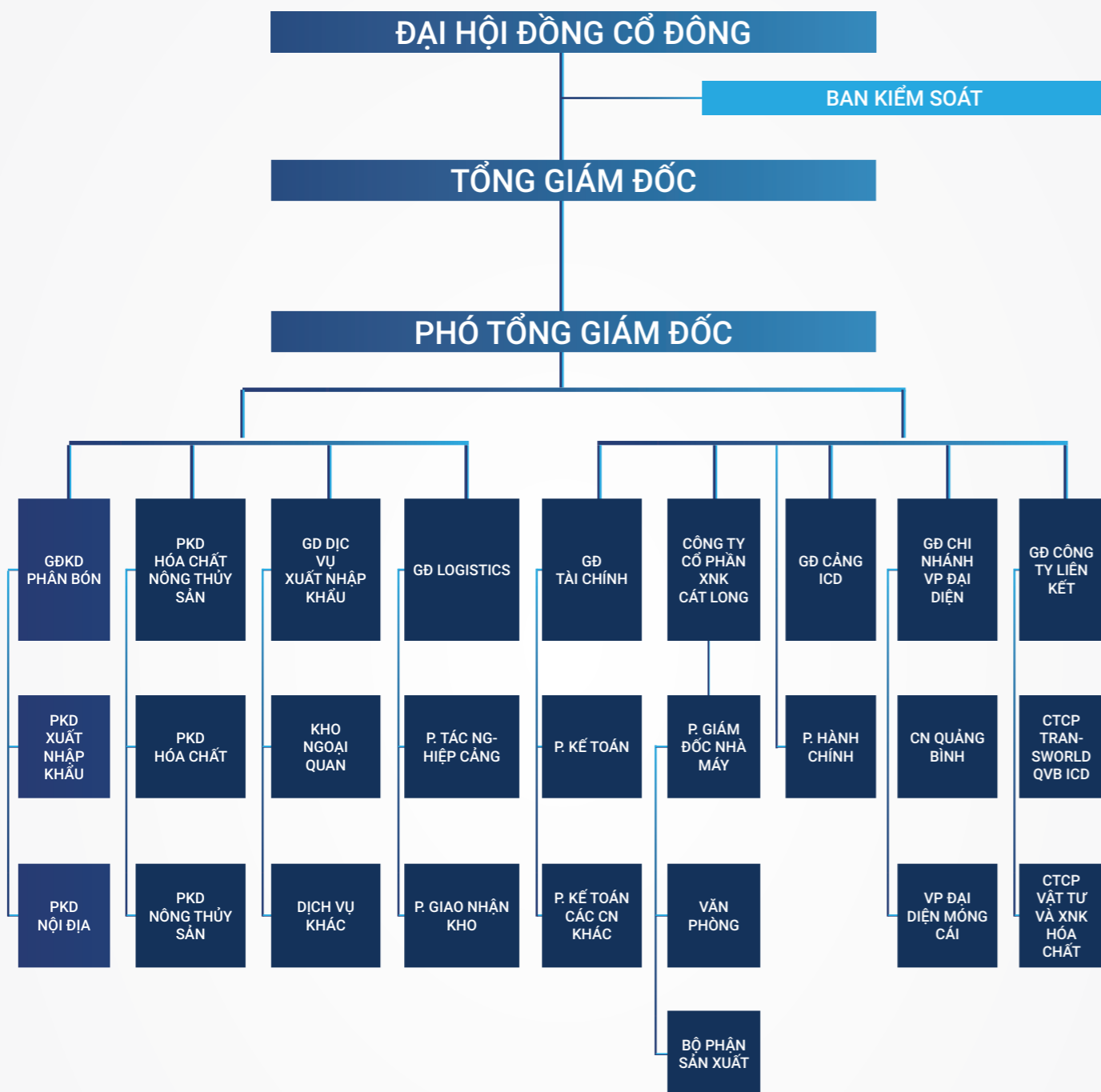


RỦI RO VỀ LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể.

MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ NỘI LỰC

1. Sơ đồ tổ chức



Hiện tại, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Quảng Bình có các công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Dựa trên các mục tiêu phát triển chiến lược, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty.

2. Chức năng các bộ phận và phòng ban trong Công ty:

| Tên bộ phận | Mô tả chức năng |
|-----------------------------------|--|
| Đại hội đồng cổ đông | Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông. |
| Hội đồng quản trị | Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện. |
| Ban kiểm soát | Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. |
| Ban Giám đốc | Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, trong đó Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty. |
| Một số phòng ban chức năng | <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Giao nhận: Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty. - Phòng Kinh doanh: Phòng kinh doanh bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Phòng Kinh doanh 1: Phụ trách mảng thương mại phân bón, xuất nhập khẩu và kinh doanh nội địa. Phòng Kinh doanh 2: Phụ trách xuất nhập khẩu hóa chất và nông lâm thủy sản. Phòng Kinh doanh 3: Khai thác Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ và hệ thống kho ngoại quan, kho bãi và các dịch vụ khác. - Phòng Kế toán: Phòng Tài chính kế toán thực hiện các chức năng: Quản lý lao động tiền lương; Tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và tài sản; Thực hiện các nhiệm vụ kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm. - Phòng hành chính: tham mưu cho BGĐ về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ. Chi nhánh Quảng Bình và Văn phòng đại diện tại Móng Cái: Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động. |

3. Chức năng các bộ phận và phòng ban trong Công ty:

| Tên Công ty | Sản phẩm chính | Vốn điều lệ (đồng) | Giá trị vốn góp của QBS (đồng) |
|---|---|--------------------|--------------------------------|
| Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất | Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, hóa chất, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành hóa chất và ngành kinh tế khác | 77.000.000.000 | 27.945.000.000 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long | Kinh doanh dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ đóng gói, thông quan hàng hóa nhập khẩu và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải đường bộ, đường sắt và đường thủy. | 20.000.000.000 | 8.000.000.000 |



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 5 NĂM

1. Mảng phân bón

Xuất khẩu

Tiếp tục phát triển hình ảnh và thương hiệu Công ty Cổ Phần XNK Quảng Bình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và thương mại phân bón trên thị trường Quốc tế.

Quảng bá và phát triển mạnh các mặt hàng phân bón đặc biệt là những mặt hàng thế mạnh của Công ty như DAP, NPK.

Tìm kiếm, nhập khẩu các sản phẩm phân bón mới, các nguyên liệu trung, vi lượng phục vụ sản xuất NPK của nhà máy NPK Đình Vũ và phục vụ thương mại nội địa.

| STT | Lĩnh vực | Thông tin chi tiết | | | | |
|-----|-----------------------------|--|--------|-------------|---------------|---------|
| 1 | Lĩnh vực sản xuất | | | | | |
| a | Năng lực SXKD | Phân bón là mảng kinh doanh truyền thống và chủ yếu của công ty | | | | |
| b | Trình độ thiết bị công nghệ | Tên thiết bị chính | Năm SX | Năm sử dụng | Giá trị | Nước SX |
| | | Hệ máy nghiền nguyên liệu | | 2015 | 1.010.240.000 | |
| | | Máy quang kén gợn lửa số | | 2013 | 149.000.000 | Anh |
| | | Thiết bị phá mẫu DK6 | | 2013 | 60.800.000 | Ý |
| | | Lò nung | | 2013 | 72.000.000 | Đức |
| | | Tủ sấy UFE 500 | | 2013 | 48.000.000 | Đức |
| 2 | Lĩnh vực thương mại | Xuất khẩu phân bón, cảng cạn ICD Quảng Bình, Đình Vũ, tạm nhập tái xuất kho bãi | | | | |
| | Năng lực kinh doanh | Xuất khẩu phân bón sang nhiều thị trường quốc tế, sản phẩm được tiêu thụ tại những thị trường khó tính như Nhật Bản, Úc,... và từng bước mở rộng sang thị trường châu Phi Cảng cạn ICD là một bước đi đột phá trong hoạt động cung ứng kho bãi, ngoại quan xuất nhập khẩu, có khả năng đáp ứng 12,8 đến 13,1 triệu tấn hàng hóa mỗi năm | | | | |

Nội địa

Đổi mới mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.

Đối với sản phẩm NPK Đình Vũ: củng cố hệ thống phân phối NPK Đình Vũ đã xây dựng, thường xuyên quan tâm chăm sóc mạng lưới đại lý truyền thống, nhằm duy trì và phát triển lượng hàng bán. Đẩy mạnh công tác thị trường, tìm hiểu kỹ đặc tính từng vùng miền, tăng cường các hoạt động như hội thảo với bà con nông dân thực hiện các mô hình trình diễn, phát thanh huyện xã, quảng cáo truyền hình... nhằm quảng bá rộng rãi cho sản phẩm NPK Đình Vũ.

2. Mạng hóa chất & hàng hóa khác

Duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng thế mạnh hóa chất như là Lưu huỳnh và axit sulphuric...Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có. Giữ vững thị phần và định hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước các mặt hàng thực phẩm đông lạnh.

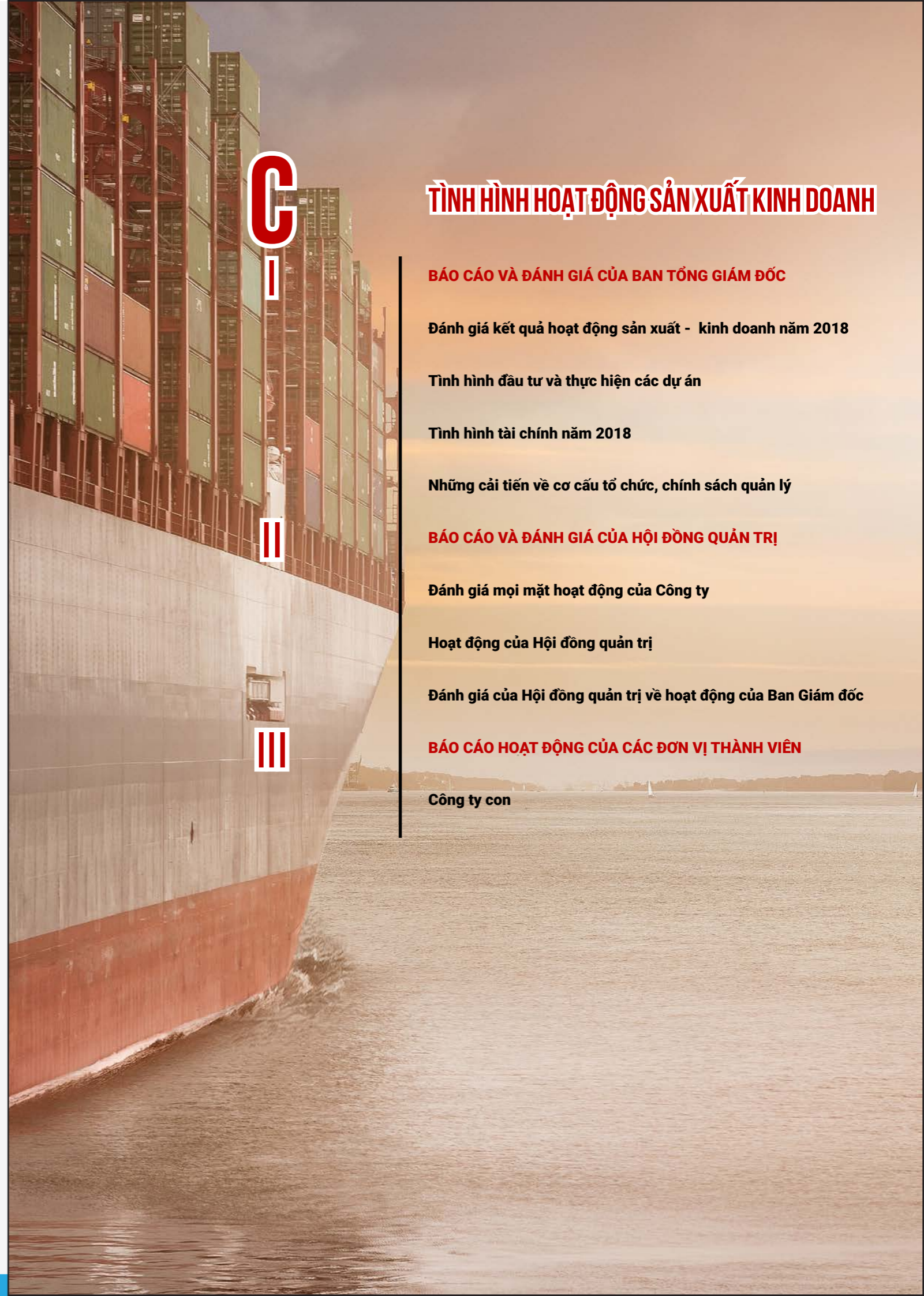


3. Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác

Củng cố chất lượng dịch vụ, xây dựng các chính sách phù hợp để tiếp tục thu hút thêm nhiều khách hàng mới. Thu hút thêm nhân lực có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án kho bãi, cảng cạn.

VỊ THẾ CỦA DOANH NGHIỆP

| STT | Lĩnh vực | Thị phần trong ngành | Lợi thế của DN so với các doanh nghiệp khác cùng ngành |
|-----|--|----------------------|---|
| 1 | Xuất khẩu phân DAP | 60% | Là nhà xuất khẩu lớn nhất cả nước về mặt phân DAP |
| 2 | Sản xuất phân bón | 20% | Sản lượng khá đối với các doanh nghiệp khác trong ngành |
| 3 | Lưu huỳnh | 50% | Quảng Bình chiếm thị phần lớn trong nhập khẩu lưu huỳnh tại thị trường Việt Nam: là một trong hai nhà nhập khẩu duy nhất về Lưu huỳnh tại thị trường Việt Nam |
| 4 | Axit Sulphuric | | |
| 5 | Kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan | | Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, điểm tập kết hàng hóa lớn; tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa cho hàng trăm nghìn doanh nghiệp với khối lượng hàng chục nghìn công te nơ mỗi năm |
| 6 | Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản | | Quy mô ở mức nhỏ so với doanh nghiệp cùng lĩnh vực |



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2018

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính năm 2018

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty con

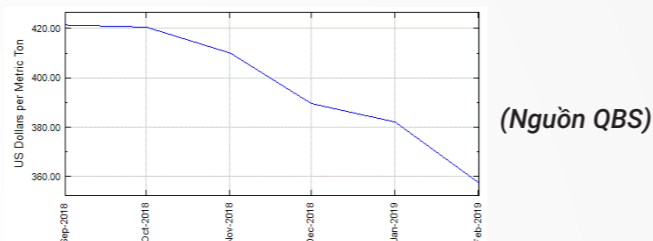


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2018

Tổng quan chung

Về mảng sản xuất – kinh doanh phân bón: Từ cuối quý III/2018, giá các mặt hàng phân bón trong nước liên tục biến động tăng mạnh và dần hạ nhiệt vào thời điểm cuối năm. Nguyên nhân chủ yếu do những ảnh hưởng từ sự biến động trên thị trường phân bón thế giới. Cụ thể:



Giá dầu thô thế giới tăng mạnh, đặc biệt vào tháng 9 và tháng 10 có thời điểm đạt mức tăng kỷ lục lên trên 75USD/thùng. Đồng thời, giá than trên thế giới vào thời điểm cuối năm 2018 cũng có mức tăng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây.

Nguồn cung sản xuất phân bón lớn từ Trung Quốc sụt giảm mạnh trong năm 2018 do 485 nhà máy phân bón tại Trung Quốc phải đóng cửa để xử lý triệt để các vấn đề môi trường liên quan đến lĩnh vực hóa chất. Trong khi, phía Ấn Độ năm 2018 đã mở thầu chào mua 550.000 tấn phân DAP, do đó càng khiến thị trường phân bón trở nên khan hiếm hơn.

Trong nước, Ure và DAP có thời điểm tăng mạnh nhất: giá ure tăng từ mức trên 7.000 đồng/kg lên trên 9.000 đồng/kg và DAP từ mức xấp xỉ 8.000 đồng/kg lên xấp xỉ 10.000 đồng/kg (DAP sản xuất trong nước). Việc Ure và DAP tăng cũng đồng nghĩa giá phân NPK bắt buộc phải tăng theo.

Hưởng lợi chính sách áp dụng thuế tự vệ phân bón DAP, MAP của Bộ Công Thương:

Hiện tại, Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình đang kinh doanh và phân phối các mặt hàng phân bón: DAP Đình Vũ, DAP Lào Cai, DAP và Ure hạt trong nhập khẩu từ Trung Quốc, NPK Đình Vũ. Chính sách thuế tự vệ áp dụng trực tiếp đối với phân bón DAP do vậy giá bán mặt hàng này có sự tăng giá mạnh nhất khi được hưởng thuế: DAP Đình Vũ 16 – 45 (tăng 17,5%). Giá phân đạm và NPK cũng biến động tăng nhẹ (từ 1% - 6%).

Trung Quốc và Nga là hai thị trường cung cấp phân bón lớn nhất cho Việt Nam (chiếm 48% tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón),

sản lượng và giá trị nhập khẩu phân bón trong nước năm 2018 đều giảm so với năm 2017. Cụ thể, lượng nhập khẩu phân bón giảm 10.6% (đạt 4,228 nghìn tấn) và giá trị nhập khẩu giảm 4% (đạt 1,203 triệu USD).

Giá bán các mặt hàng phân bón từ cuối quý III trở đi tăng cao do giá thành sản xuất gia tăng, tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ phân bón trong những tháng cuối năm 2018 có dấu hiệu chững lại. Các đại lý nhập hàng cầm chừng, cố gắng giải phóng hàng tồn kho do lo ngại giá cả trong thời gian tới sẽ sụt giảm.

Tình hình thị trường tiêu thụ phân bón quý IV/2018:

Tại Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc, nhu cầu tiêu thụ phân bón vào tháng 11 và tháng 12 chậm lại. Giá các mặt hàng phân bón đều giảm nhẹ. Tại miền Trung, nhu cầu phân bón thấp, ở Tây Nguyên một số cây công nghiệp đang vào giai đoạn thu hoạch.

Theo số liệu Cục trồng trọt - Bộ NN& PTNT, tính đến ngày 20/12, khu vực ĐBSCL đã xuống giống vụ Đông Xuân (2018 – 2019) 1,3 triệu ha/1,56 triệu ha diện tích kế hoạch. Nhu cầu tiêu thụ phân bón không tăng, giá phân bón giảm. Do đó, biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sản xuất ngành phân bón trong năm 2018 biến động mạnh, sụt giảm do nhu cầu tiêu thụ chậm lại và hàng tồn kho tăng mạnh.

Về mảng kinh doanh hóa chất:

Các loại hóa chất nhập khẩu như lưu huỳnh, axit sulfuric,...là nguyên liệu đầu tiên thiết yếu vào cho ngành sản xuất phân bón trong nước. Do đó, trong năm 2018, ngành kinh doanh hóa chất gặp nhiều khó khăn do những ảnh hưởng từ biến động của thị trường phân bón trong và ngoài nước.

Về mảng kinh doanh dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác:

Nhìn chung, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước năm 2018 đạt 440,04 tỷ USD, tăng 13,3% (tương ứng tăng 51,76 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn tăng trưởng tích cực, thu hút nhiều doanh nghiệp mới tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ logistics dẫn đến mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng.

Về mảng kinh doanh hàng hóa nông sản và thực phẩm đông lạnh nhập khẩu:

Những tín hiệu tích cực từ tăng trưởng của thị trường tiêu thụ nông sản trong nước, giá trị nông sản xuất khẩu đạt kỷ lục với 40,2 tỷ đồng, nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng kéo theo doanh thu mảng này tăng trưởng rõ rệt.



2. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2018 của Công ty:

| STT | Chỉ tiêu | TH năm 2017 | TH năm 2018 | KH năm 2018 | TH2018/TH2017 | TH2018/KH2018 |
|-----|--------------------------------------|-------------|-------------|-------------|---------------|---------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 693,30 | 693,30 | - | - | - |
| 2 | Doanh thu thuần từ hoạt động SX - KD | 3.494,78 | 2.186,50 | 3.000 | 62,56% | 72,88% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất | 22,539 | 59,331 | 90 | 263,24% | 65,92% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 22,539 | 56,625 | - | 251,23% | - |

Về doanh thu hoạt động trong năm 2018 của Công ty:

Tổng doanh thu từ hoạt động Sản xuất - kinh doanh năm 2018 của Công ty (sau hợp nhất) đạt 2.186,5 tỷ đồng, chiếm 72,88% so với doanh thu kế hoạch năm 2018, giảm 37,43% so với doanh thu thực hiện năm 2017. Cụ thể:

- **Doanh thu từ kinh doanh Phân bón: 1.234,09 tỷ đồng**, là mảng kinh doanh đem lại doanh thu lớn nhất, đạt 56,44% tổng doanh thu thuần. Trong năm 2018, lĩnh vực kinh doanh phân bón vẫn là mảng kinh doanh truyền thống và chủ đạo của Công ty. Đối với ngành phân bón, năm 2018 là năm thị trường có nhiều biến động mạnh, đứng trước bối cảnh các chi phí sản xuất đầu vào tăng cao, giá bán các sản phẩm cũng tăng cao dẫn đến kết quả doanh thu và lợi nhuận không được khả quan và sụt giảm nhiều so với năm 2017

- **Doanh thu từ kinh doanh Hóa chất: 277,7 tỷ đồng**, tương ứng chiếm 12,70% tổng doanh thu thuần. Đối với lĩnh vực kinh doanh hoá chất, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn do thị trường phân bón ảm đạm, kéo theo nhu cầu hàng nguyên liệu như lưu huỳnh, axit sulphuric giảm theo dẫn tới doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra.

- **Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác: 83,3 tỷ đồng**, chiếm 3,81% tổng doanh thu thuần. Đây là mảng kinh doanh được Công ty kỳ vọng có tiềm năng phát triển mạnh mẽ với dự án đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ.

Năm 2018, Cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ chính thức được thông qua Quyết định về việc mở Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và được công nhận địa điểm làm thủ tục Hải quan. Bên cạnh đó, QBS sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai đưa vào xây dựng giai đoạn 2 với quy mô gần 9 ha còn lại.

Tuy nhiên, do chính sách thay đổi dẫn đến việc chậm tiến

độ trong quá trình xin thông qua Quyết định về việc mở Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và được công nhận địa điểm làm thủ tục Hải quan dẫn đến việc khai thác Cảng cạn chưa được đưa vào hoạt động chính thức. Bên cạnh đó, hệ thống kho bãi, dịch vụ mở ra rất nhiều dẫn đến việc cạnh tranh về dịch vụ cũng như khai thác khách hàng ngày càng khó khăn, dẫn đến lượng doanh thu từ mảng này giảm đáng kể so với năm 2017.

- **Doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác: 591,4 tỷ đồng**, tăng trưởng mạnh mẽ, tỷ trọng từ lĩnh vực kinh doanh này chỉ đứng sau doanh thu mảng kinh doanh phân bón, năm 2018, chiếm 27,05% tổng doanh thu thuần.

Thị trường tiêu thụ hàng nông sản (gạo, ngô, khoai, sắn,..) và thực phẩm đông lạnh nhập khẩu (Cá hồi, cá ngừ, thịt bò Úc,...) năm 2018 tăng trưởng mạnh do sự tăng trưởng ổn định từ nền kinh tế trong nước, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm trên.

- **Doanh thu từ hoạt động tài chính của QBS sau khi hợp nhất năm 2018 là 20,37 tỷ đồng**, tăng 53,76% so với năm 2017. Hoạt động đầu tư tài chính đem lại hiệu quả cao, dòng tiền thu về chủ yếu từ các khoản lãi tiền gửi, cổ tức được chia và lãi chênh lệch tỷ giá.



| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Thay đổi (%) |
|-------------------------------|----------|----------|--------------|
| Tổng doanh thu | 3.510,12 | 2.207,64 | -37,11% |
| Doanh thu thuần | 3.494,78 | 2.186,51 | -37,43% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 13,248 | 20,370 | 53,76% |
| Thu nhập khác | 2,091 | 0,755 | -63,89% |

Trong năm, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách bán hàng một cách linh hoạt với phương thức chiết khấu thanh toán và trả chậm, trả góp nhằm gia tăng doanh thu, mở rộng kênh tiêu thụ, hạn chế và giảm thiểu tình trạng ứ đọng hàng trong kho. Số tiền lãi thu về từ chính sách này trong năm nay đạt 943,8 triệu đồng, sụt giảm mạnh so với năm 2017. Cho thấy rõ thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do biến động tăng giá phân bón, tâm lý dè chừng của các đại lý phân phối và người nông dân.

- Thu nhập khác trong năm 2018 đạt 755,256 triệu đồng, giảm 63,89% so với năm 2017. Nhìn chung, doanh thu và thu nhập từ các mặt hoạt động của Công ty năm 2018 đều sụt giảm so với năm trước.

Về cơ cấu chi phí:

Vi hoạt động chủ yếu là thương mại và dịch vụ nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng chi phí. Năm 2018, tổng chi phí đạt gần 2.134,95 tỷ đồng, giảm 38,68% so với năm 2017. Trong đó:

- Tổng giá vốn hàng bán năm 2018 đạt hơn 2.110,56 tỷ đồng, tương ứng với 98,86% trong tổng cơ cấu chi phí. Giá vốn hàng bán sụt giảm mạnh (giảm 1.206 tỷ đồng, tương ứng giảm 36,37% so với năm 2017) là nguyên nhân trực tiếp làm kéo chi phí trong năm giảm xuống.

- Chi phí bán hàng năm 2018 đạt 19,223 tỷ đồng, giảm 29,17% so với năm trước. Chủ yếu là do sự chững lại của nhu cầu tiêu thụ phân bón kéo theo doanh thu và lợi nhuận của Công ty bị sụt giảm mạnh.

- Chi phí QLDN năm 2018 tăng 16,631 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017, do Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng bán với số tiền trị giá: 16,896 tỷ đồng.

- Chi phí tài chính năm 2018 giảm 145,878 tỷ đồng, tương ứng giảm 119,93% so với năm 2017. Trong đó, Công ty đã thực hiện hoàn lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 105,5 tỷ. Chi phí khác giảm 3,086 tỷ đồng, tương ứng giảm 92,76% so với năm 2017.

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Thay đổi (%) |
|------------------------------|----------|----------|--------------|
| Tổng chi phí | 3481,437 | 2134,949 | -38,68% |
| Giá vốn hàng bán | 3316,798 | 2110,561 | -36,37% |
| Chi phí bán hàng | 27,14 | 19,223 | -29,17% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 12,534 | 29,165 | 132,69% |
| Chi phí hoạt động tài chính | 121,638 | -24,241 | -119,93% |
| Chi phí khác | 3,327 | 0,241 | -92,76% |

Về lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS) trong năm 2018:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ năm 2018 đạt 56,625 tỷ đồng, tăng 151,23% so với cùng kỳ năm 2017.

- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN đã hợp nhất của QBS năm nay đạt 59,331 tỷ đồng, chiếm 65,92% so với chỉ tiêu kế hoạch năm (90 tỷ đồng). Tuy chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng so với năm 2017, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty trong năm 2018 tăng vượt trội với mức tăng 36,79 tỷ đồng (+63,24%).

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2019

Định hướng phát triển:

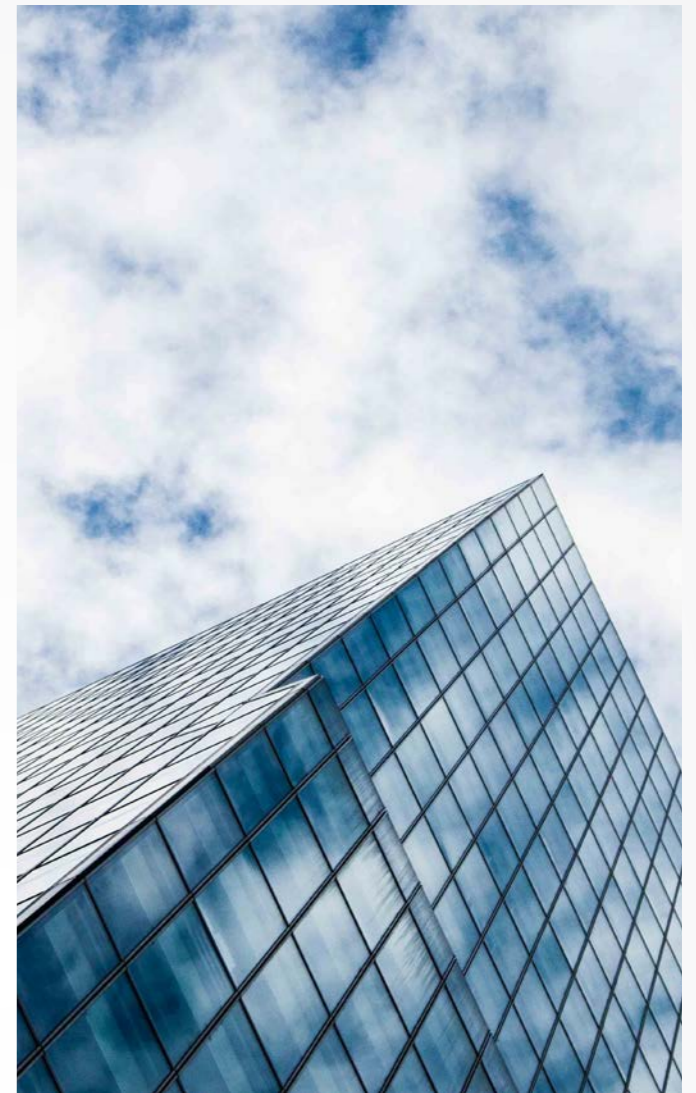
- Tập trung chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ đưa Cảng cạn Quảng Bình Đình Vũ trở thành Trung tâm Logistics của cả khu vực và địa điểm trung chuyển hàng hóa đi khắp cả nước. Bên cạnh đó, hoàn thành kế hoạch xây dựng và đưa vào sử dụng Giai đoạn II với tổng diện tích gần 9ha mở rộng hệ thống hệ thống kho, kho lạnh và bãi nâng cao công suất của Cảng cạn.

- Đứng trước khó khăn đối với các mặt hàng truyền thống như Phân bón và hóa chất, từ năm 2017, QBS đã thâm nhập vào thị trường nhập khẩu và phân phối thực phẩm, các mặt hàng nước uống và đã có vị thế trên thị trường Miền Bắc. Đặt mục tiêu phát triển thị trường trên toàn quốc và trở thành ngành hàng mũi nhọn của Công ty trong các năm tiếp theo.

- Đối với mảng thương mại phân bón: Theo dõi và nắm bắt sát tình hình thực tế mảng phân bón trong và ngoài nước để đưa ra các chiến lược kinh doanh cũng như mở rộng mặt hàng, mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước.

- Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.

- Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.



Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2019:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2019 (Tỷ đồng) |
|-----|--------------------|-------------------------|
| 1 | Doanh thu | 2.000 – 2.300 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 50 |



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Góp vốn thành lập Công ty con:

Ngày 09/05/2018, Công ty con của QBS - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long được thành lập. QBS là cổ đông sáng lập với số vốn góp đăng ký là 198 tỷ đồng.

hóa, nguyên nhiên vật liệu sản xuất, chi phí trả trước, đăng ký nhãn hiệu NPK Đình Vũ.

Ngày 01/07/2018, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long bằng tài sản bao gồm: TSCĐ, hàng

Ngày 13/07/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết việc giải thể chi nhánh Nhà máy NPK tại xóm 6 Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

| Các khoản mục đầu tư | 31/12/2018 | | 01/01/2018 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 105.881.626.363 | - | 105.881.626.363 | (20.369.926.363) |
| Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất | 105.881.626.363 | - | 105.881.626.363 | (20.369.926.363) |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 234.503.969.597 | (11.812.956.340) | 295.089.294.645 | (116.108.685.495) |
| Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD | 1.000.000.000 | (391.114.443) | - | - |
| Công ty Cổ phần DAP - Vinachem | 233.503.969.597 | (11.421.841.897) | 295.089.294.645 | (116.108.685.495) |
| Tổng cộng | 340.385.595.960 | (11.812.956.340) | 400.970.921.008 | (136.478.611.858) |

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Trong năm 2018, các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản đang được triển khai của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS) bao gồm: Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ đã hoàn thành giai đoạn I, đang tiếp tục lập kế hoạch để triển khai giai đoạn II của dự án.

Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên



Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

| Cơ cấu nguồn vốn Công ty (đã hợp nhất) | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | % Tăng/giảm 2018 so với 2017 |
|--|------------------|------------------|------------------|------------------------------|
| I. Tổng tài sản | 2.234,564 | 2.030,075 | 1.950,558 | -3,92% |
| Tài sản ngắn hạn | 1.305,349 | 1.094,196 | 973,555 | -11,03% |
| Tài sản dài hạn | 929,215 | 935,879 | 977,003 | 4,39% |
| II. Nợ phải trả | 1.406,479 | 1.220,968 | 1.062,443 | -12,98% |
| Nợ ngắn hạn | 1.104,394 | 897,293 | 768,765 | -14,32% |
| Nợ dài hạn | 302,085 | 323,675 | 293,678 | -9,27% |
| III. Vốn chủ sở hữu | 828,085 | 809,107 | 888,115 | 9,76% |
| IV. Tổng nguồn vốn | 2.234,564 | 2.030,075 | 1.950,558 | -3,92% |

1. Tình hình tài sản

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, giá trị tổng tài sản (sau hợp nhất) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (QBS) là 1.950,558 tỷ đồng, giảm 3,92% so với giá trị tổng tài sản cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

- **Tài sản ngắn hạn đạt 973,555 tỷ đồng**, giảm 11,03% so với năm 2017 và chiếm 49,91% quy mô tổng tài sản. Quy mô tài sản năm 2018 của Công ty biến động giảm chủ yếu do:

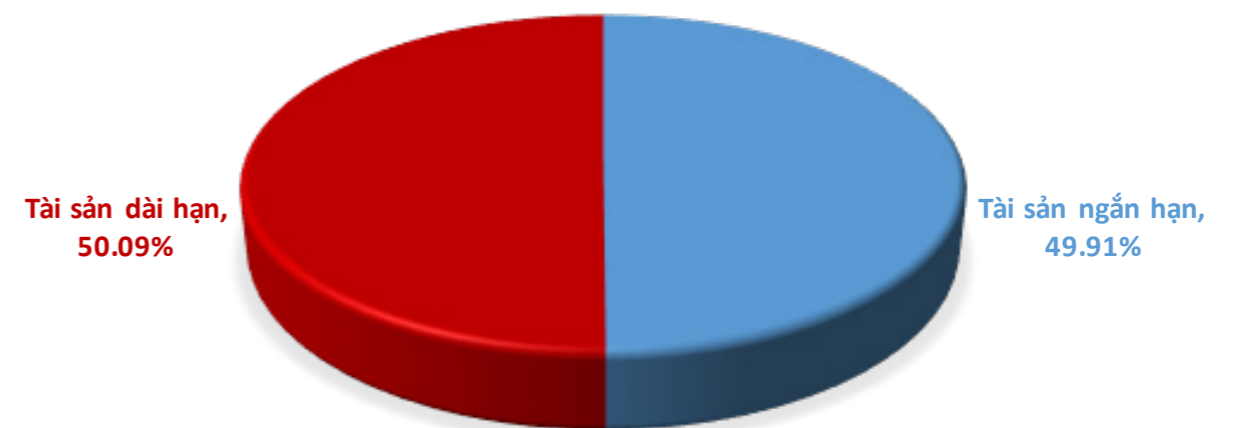
Trong năm 2018, thị trường tiêu thụ phân bón - hóa chất gặp nhiều khó khăn do sức ép tăng giá bán xuất phát từ giá cả các yếu tố sản xuất đầu vào nhập khẩu gia tăng, ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ phân bón, hóa chất trong nước. Thị trường tiêu thụ chững lại nên Công ty đã thực hiện cắt giảm quy mô hàng tồn kho từ 144.187 tỷ đồng năm 2017 xuống còn 81,238 tỷ đồng năm 2018 (tương ứng giảm 43,66% so với năm 2017).

Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng với các phương thức thanh toán trả chậm, trả góp, chiết khấu,... nhằm khuyến khích nhu cầu tiêu thụ và thúc đẩy doanh thu. Đồng thời, trong năm Công ty phải tăng trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền: 16,896 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 2017.

Giá trị khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2018 đạt 24,337 tỷ đồng, giảm 2,64 lần so với giá trị tại thời điểm đầu năm.

- **Giá trị tài sản dài hạn tại thời điểm cuối năm đạt 977,003 tỷ đồng**, tăng 4,39% so với năm 2017 và chiếm 50,09% quy mô tổng tài sản. Sự tăng lên này chủ yếu do Công ty đã thực hiện hoàn lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 105,5 tỷ nên giá trị trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm cuối năm còn lại 11,813 tỷ đồng.

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2018



2. Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, tổng nợ phải trả của QBS là 1.062,443 tỷ đồng, giảm 12,98% so với cùng kỳ năm 2017 và chiếm 54,47% trong cơ cấu tổng nguồn vốn. Tổng nợ phải trả có xu hướng giảm dần qua từng năm, trong đó, nợ ngắn hạn có mức độ giảm mạnh hơn. Cụ thể:

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty đạt 768,765 tỷ đồng, chiếm 72,36% trong cơ cấu tổng nợ phải trả và giảm 14,32% so với cùng kỳ năm 2017.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã nhận trước tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex của Ông Bùi Tố Minh với giá trị: 85.511.700.000 đồng, sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng, Công ty sẽ chuyển nhượng 2.594.700.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất cho cá nhân ông Bùi Tố Minh.

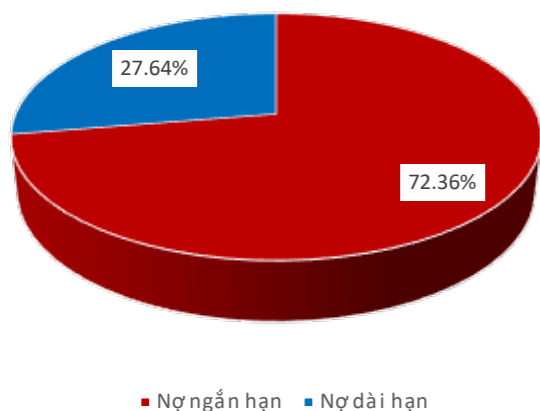
Nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm giảm so với đầu năm mặc dù các khoản phải trả người bán và người mua trả

thuê tài chính ngắn hạn tại thời điểm cuối năm giảm đáng kể, xuất phát từ việc Công ty đã hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi một số khoản vay Ngân hàng đến hạn, đồng thời, khoản vay bằng hàng hóa (lưu huỳnh trắng) mà Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long nhận từ CTCP XNK Đức Nguyễn cũng được chi trả một phần nợ gốc và tiền lãi.

Nợ dài hạn trong năm 2018 đạt 293,678 tỷ đồng, giảm 9,27% so với năm 2017, chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu nợ: 27,64%. Nợ dài hạn giảm chủ yếu do trong năm 2018, các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm.

Nhìn chung, chính sách vay nợ của Công ty tương thích với đặc điểm kinh doanh của hoạt động thương mại - dịch vụ, cơ cấu vốn ưu tiên các khoản nợ ngắn hạn nhằm bổ sung thêm vốn lưu động cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, đảm bảo khả năng thanh toán, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, duy trì cơ cấu vốn linh hoạt.

Cơ cấu tài sản 2018



3. Tình hình vốn chủ sở hữu

Cùng kỳ năm 2017. Vốn chủ sở hữu tăng mạnh xuất phát từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân uý mô vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 đạt 888,115 tỷ đồng, tăng 9,76% so với c phối năm 2018 tăng 76,98 tỷ so với năm 2017. Chính sách tài trợ của Công ty năm 2018 có tỷ lệ nợ phải trả/ vốn chủ xấp xỉ 119,63% nhằm bổ sung kịp thời nguồn vốn lưu động cho quá trình sản xuất - kinh doanh.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của Công ty được đánh giá an toàn so với chỉ tiêu trung bình ngành, tình hình tài chính lành mạnh, khả quan.

Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu trong năm 2018: Không có



| Các chỉ tiêu tài chính (đã hợp nhất) | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|-----|----------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện thời | lần | 1,18 | 1,22 | 1,27 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,07 | 1,06 | 1,16 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Tỷ lệ nợ/tổng tài sản | % | 62,94% | 60,14% | 54,47% |
| Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu | % | 169,85% | 150,90% | 119,63% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | lần | 22,32 | 24,47 | 18,73 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | lần | 1,91 | 1,64 | 1,10 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| ROE | % | 1,64% | 2,79% | 6,99% |
| ROA | % | 0,61% | 1,11% | 2,98% |
| ROS | % | 0,37% | 0,86% | 3,31% |

| Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ | ĐVT | 2016 | 2017 | 2018 |
|---|-----|-------|-------|-------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện thời | lần | 1,13 | 1,22 | 1,18 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,02 | 1,06 | 1,15 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số nợ/tổng tài sản | lần | 0,64 | 0,60 | 0,55 |
| Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | lần | 1,75 | 1,51 | 1,21 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | lần | 21,93 | 25,35 | 24,93 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | lần | 1,90 | 1,67 | 1,08 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| ROE | % | 2,48% | 2,79% | 6,54% |
| ROA | % | 0,90% | 1,11% | 2,95% |
| ROS | % | 0,55% | 0,86% | 3,24% |

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

1. Cơ cấu lao động

| STT | Tiêu chí | Số lượng lao động 2018 (người) |
|---------------------------------------|---|--------------------------------|
| I Theo trình độ lao động | | |
| | Trình độ Đại học và trên Đại học | 51 |
| | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 12 |
| | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 03 |
| | Lao động phổ thông | 04 |
| | Lao động khác | |
| II Theo giới tính | | |
| | Nam | 38 |
| | Nữ | 32 |
| III Theo chỉ tiêu khác | | |
| | Có hợp đồng lao động | 70 |
| | Lương theo giờ | |
| IV. Quỹ lương HDLĐ năm 2018 là | | |
| | Thu nhập bình quân của người lao động (VNĐ/ người/ tháng) | 4.472.600 |

ĐÁNH GIÁ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt cùng với sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, sự ủng hộ của cổ đông, năm 2018 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường để hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, tiếp tục khẳng định thương hiệu và tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2019.

Một số kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2018:

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | So sánh |
|-----|---|---------------|----------------|---------|
| 1 | Vốn điều lệ | | 693,3 | |
| 2 | Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó: | 3.000,00 | 2.186,50 | 72,88% |
| | Doanh thu từ kinh doanh Phân bón | | 1.234,09 | |
| | Doanh thu từ kinh doanh hóa chất | | 277,7 | |
| | Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác | | 83,3 | |
| 3 | Doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác | | 591,4 | |
| | Lợi nhuận sau thuế | 90 | 59,3 | 65,89% |

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành phần cơ cấu của hội đồng quản trị

| STT | Họ tên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------------|------------|--|--------------------------|-------------------|----------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch | 05/03/2014 | 23 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Khoái | Thành viên | 14/04/2018 | 5 | 38,46% | Miễn nhiệm ngày 14/04/2018 |
| 3 | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên | 05/03/2014 | 23 | 100% | |
| 4 | Bà Bùi Thị Ngọc | Thành viên | 14/04/2018 | 5 | 38,46% | Miễn nhiệm ngày 14/04/2018 |
| 5 | Ông Phạm Sỹ Thạc | Thành viên | 05/03/2014 | 19 | 82,61% | Miễn nhiệm ngày 21/09/2018 |
| 6 | Ông Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên | 14/04/2018 | 15 | 65,22% | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018 |
| 7 | Bà Đinh Thị Phượng | Thành viên | 14/04/2018 | 15 | 65,22% | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018 |

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám Đốc.

- Năm 2018, đánh dấu mốc quan trọng khi QBS chính thức được Bộ Giao thông vận tải thông qua Quyết định về việc mở Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ và được Bộ tài chính thông qua Quyết định về việc công nhận địa điểm làm thủ tục Hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ.

- Trong năm vừa qua, Ông Phạm Sỹ Thạc - Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm xin rút khỏi vị trí Thành viên HĐQT kể từ ngày 21/9/2018.

- Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề tài chính, đầu tư góp vốn vào Công ty CP XNK Cát Long; bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự.

- Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi Đại hội cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2018; phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2019 và 23 buổi họp Hội đồng quản trị.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BGD

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp về việc triển

khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các buổi họp liên quan đến cơ cấu lại các danh mục đầu tư tài chính, bổ nhiệm nhân sự.

1. Kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2018:

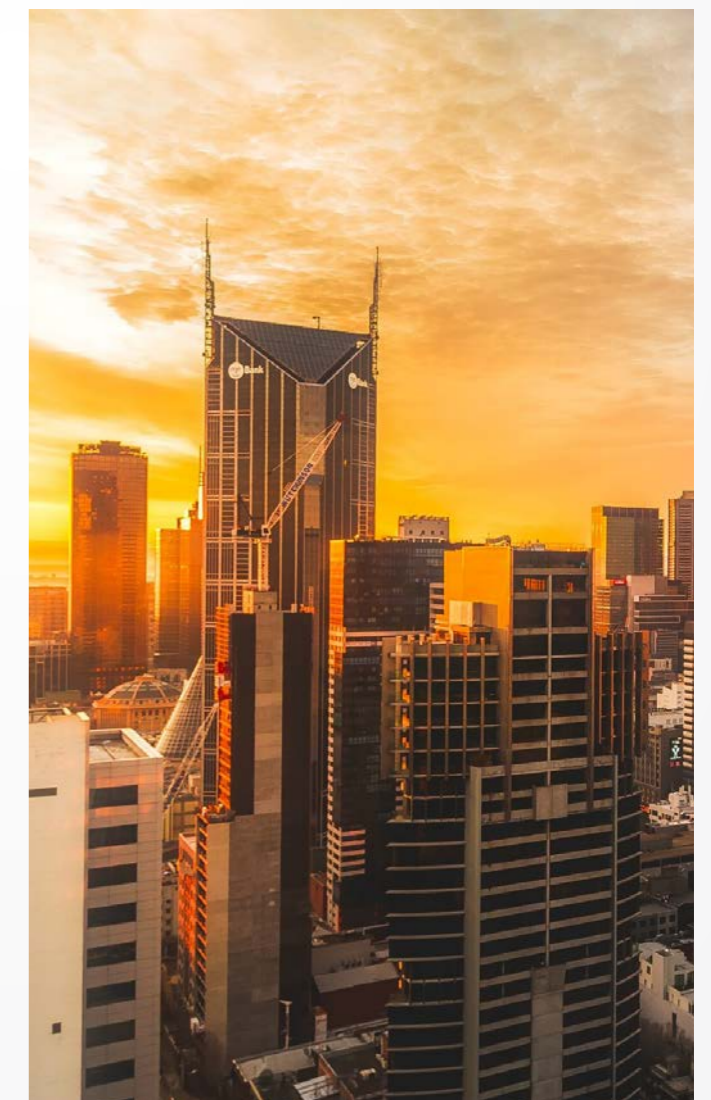
- Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm trên thị trường phân bón, cảng biển cũng như kinh nghiệm quản lý điều hành hiệu quả trong công việc và trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật và phương hướng của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình thị trường phân bón, hóa chất gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám Đốc đã có những chiến lược và chủ động đưa các phương án kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Kết luận:

Theo đánh giá của HĐQT, Ban điều hành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế và các quy định pháp luật hiện hành. Đảm bảo hài hoà các lợi ích của người lao động, của cổ đông và Nhà nước.



CÔNG TY CON**TÊN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long

TÊN VIẾT TẮT

CAT LONG IMEX, JSC

TÊN TIẾNG ANH

Cat Long Import & Export JSC

TRỤ SỞ CHÍNH

Xóm 6 Cống Chanh,, Xã Đông Sơn, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

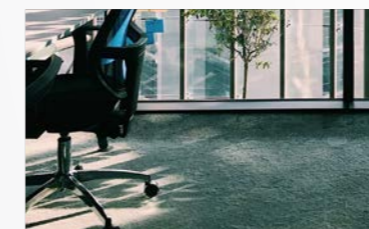
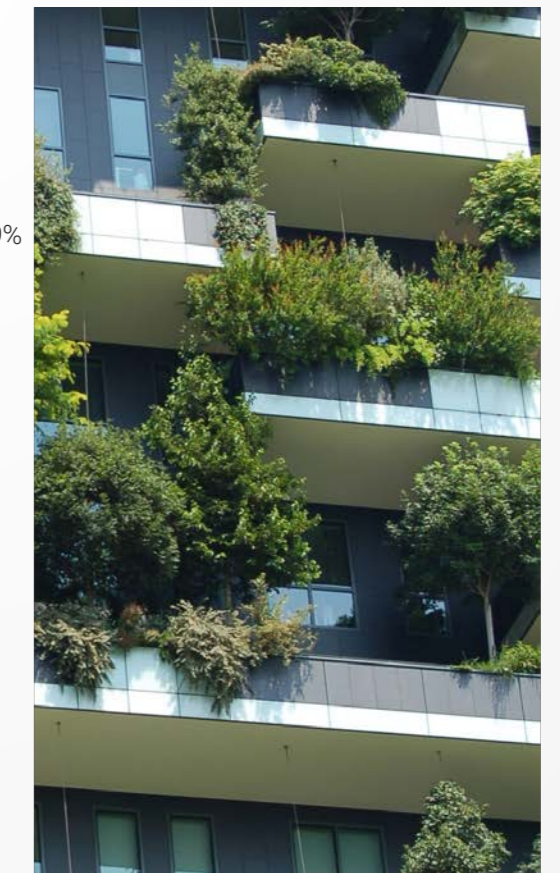
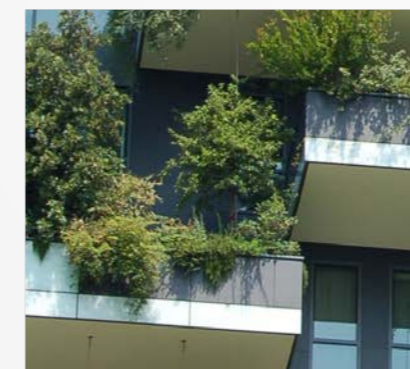
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long mới thành lập từ tháng 7/2018, được hình thành từ vốn góp bằng tài sản của Công ty mẹ (QBS), thay thế cho nhà máy sản xuất NPK trước đó. Do Công ty mới đi vào hoạt động, nhằm hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu và cung ứng phân bón - hóa chất cho Công ty mẹ nên kết quả sản xuất kinh doanh còn chiếm tỷ trọng nhỏ.
- Trong những năm tiếp theo, với việc mở rộng thêm nhiều kênh tiêu thụ và số lượng khách hàng mới đồng thời, chuyên môn hóa nhiệm vụ trong mảng thương mại phân bón - hóa chất và hàng nông sản giúp QBS tập trung đầu tư mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ chủ lực trong Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ thời gian tới đây.

**NƠI ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ**

Cục thuế TP Hải Phòng

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Sản xuất phân bón

**VỐN ĐIỀU LỆ**200.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn công ty mẹ 99%**MÃ SỐ THUẾ**0201872307,
cấp ngày 09/05/2018

CÔNG TY CON



TÊN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vật tư và
Xuất nhập khẩu Hóa chất

TÊN VIẾT TẮT

VINACHIMEX

TÊN TIẾNG ANH

Cat Long Import & Export JSC

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 4 Phạm Ngũ Lão
P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

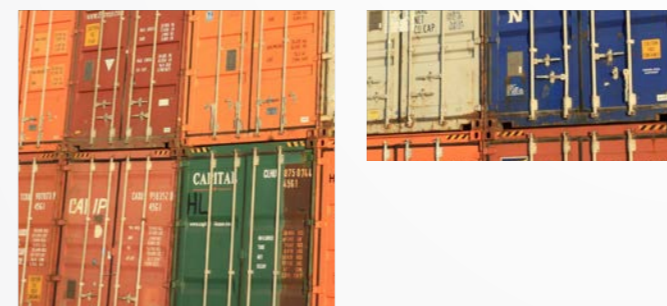
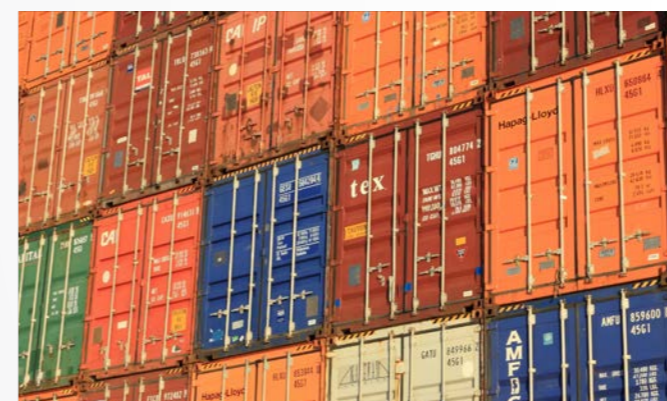
Thành lập từ năm 1969, cho đến nay VINACHIMEX đã có hơn 40 năm hoạt động trong ngành hóa chất. Với chức năng chính là kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, hóa chất, các loại máy móc thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu phục vụ cho ngành hóa chất.

Trong suốt những năm vừa qua, VINACHIMEX là cầu nối giữa các nhà sản xuất từ các thị trường khác nhau trên khắp thế giới như Mỹ, các nước Châu Âu, Ấn Độ, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Úc, New Zealand... với các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để đáp ứng nhu cầu sản xuất của các đơn vị này, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của ngành nói riêng, của đất nước nói chung.

* Mỗi quan hệ hợp tác giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất:

* Các giao dịch phát sinh trong năm của QUANG BINH JSC với VINACHIMEX:

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|----------------|---------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.032.147.984 | 34.500.081 |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 82.120.978.177 | - |
| Phải trả người bán | 8.135.795.897 | 1.342.679.677 |
| Lãi, lỗ từ Công ty liên doanh liên kết | - | 110.673.794 |



VỐN ĐIỀU LỆ

200.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn công ty mẹ: 36.29%

NƠI ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ

Cục thuế TP Hà Nội

MÃ SỐ THUẾ

0100102414, cấp ngày 15-04-2010

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thương mại hóa chất và
Sản xuất phân bón

QUẢN TRỊ CÔNG TY

D

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| Thông tin cổ phiếu | |
|----------------------------|--------------------|
| Vốn điều lệ | 639.999.280.000 |
| Số lượng cổ phiếu niêm yết | 69.329.928 |
| Loại cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành | 69.329.928 |
| Cổ phiếu quỹ | 0 |
| Mệnh giá | 10.000 đồng |

| | |
|--|---------------------------------|
| Tổng số phiên | 248 |
| Tổng khối lượng khớp lệnh | 59,805,170 cổ phiếu |
| Khối lượng giao dịch bình quân/ ngày | 220,980 cổ phiếu |
| Khối lượng giao dịch cao nhất trong năm | 1,132,680 cổ phiếu (29/01/2018) |
| Khối lượng giao dịch thấp nhất trong năm | 9,740 cổ phiếu (28/03/2018) |

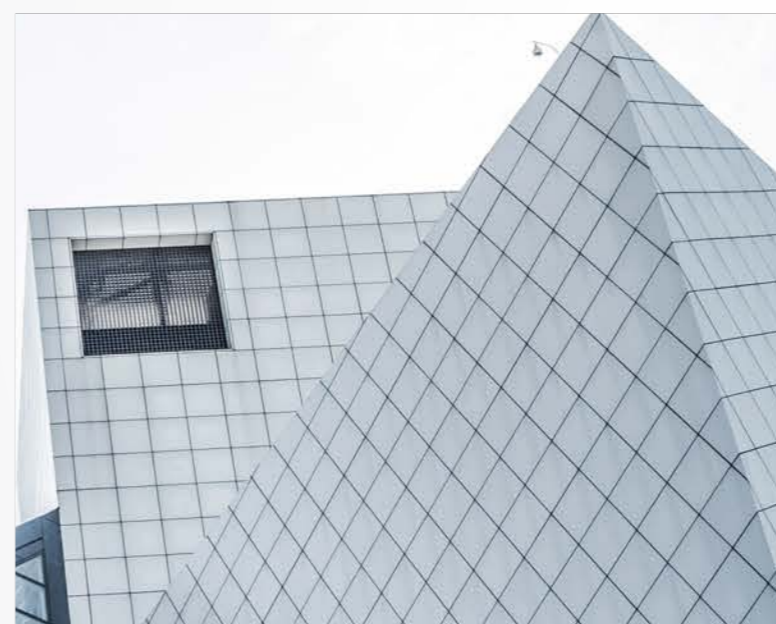
* Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/03/2019

| Tên cổ đông | Số lượng CP | Tỷ lệ |
|--------------------|-------------------|-------------|
| Cổ đông lớn | 14.200.579 | 20,48% |
| Cổ đông nhỏ | 55.129.349 | 79,52% |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0% |
| Tổng | 69.329.928 | 100% |
| Cổ đông trong nước | 69.325.482 | 99,994% |
| Cổ đông nước ngoài | 4.446 | 0,006% |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0% |
| Tổng | 69.329.928 | 100% |
| Cổ đông tổ chức | 58.227 | 0,08% |
| Cổ đông cá nhân | 69.271.701 | 99,92% |
| Cổ phiếu quỹ | 0 | 0% |
| Tổng | 69.329.923 | 100% |



| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Địa chỉ | Số lượng CP | Tỷ lệ |
|-----|------------------------|---|-------------|--------|
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 327 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng | 9.200.579 | 13,27% |
| 2 | Nguyễn Thanh Bình | Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng | 5.000.000 | 7,21% |

| Thời gian | Vốn điều lệ |
|-----------------|-----------------|
| 6/2010 | 4.800.000.000 |
| 11/2010 | 9.900.000.000 |
| 6/2011 | 20.000.000.000 |
| 1/2012 | 56.000.000.000 |
| 4/2014 | 320.000.000.000 |
| 12/2015 đến nay | 693.299.230.000 |



GIỚI THIỆU HĐQT

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------|---|--------------------------|--------------|
| Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch HĐQT | 9.200.579 | 13.27% |
| Nguyễn Văn Khoái | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 14/04/2018) | | |
| Bùi Thị Ngọc | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 14/04/2018) | | |
| Đình Thị Phượng | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 14/04/2018) | 0 | 0% |
| Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 14/04/2018) | 0 | 0% |
| Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên HĐQT | 517.250 | 0,75% |
| Phạm Sỹ Thạc | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/09/2018) | | |

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày sinh** ● 12/02/1977
- Số CMND** ● 031177000067
- Nguyên quán** ● Phù Liễn, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Nơi sinh** ● Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
- Cư trú** ● Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Trình độ** ● - Cử nhân Kinh tế
- Cử nhân Hành chính

Quá trình công tác :

- Từ năm 1996 đến năm 2006: Nhân viên Kinh doanh Công ty CP XNK Hảo Mỹ.
- Từ tháng 10 năm 2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất
- Từ tháng 12 năm 2014: Thành viên HĐQT Công ty CP DAP-Vinachem
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình
- Từ 2014 đến nay:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 - Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM.
 - Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD.

Ông Nguyễn Minh Tuấn Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh** ● 28/12/1984
- Số CMND** ● 031231276
- Nguyên quán** ● Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
- Nơi sinh** ● Kiêu Sơn, Đăng Lâm, Hải An, Hải Phòng
- Cư trú** ● 0316263333
- Trình độ** ● - Cử nhân Ngoại ngữ
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ tháng 04 năm 2014 : Thành viên HĐQT kiêm GD Kinh doanh CTCP XNK Quảng Bình
- Từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 04 năm 2014 : Giám đốc kinh doanh CTCP XNK Quảng Bình.

Ông Nguyễn Hoàng Luân Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh** ● 14/04/1976
- Số CMND** ● 03096274
- Nguyên quán** ● Hải Phòng
- Nơi sinh** ● Hải Phòng
- Cư trú** ● 9/54 Cao Thắng – Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Trình độ** ● Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ 06/2004 - 12/2006: Giám sát bán hàng tại Công ty Đại Việt Beer
- Từ 01/2007 – 10/2010: Giám đốc khu vực Đông Bắc tại Công ty THP Group
- Từ 11/2010 – 06/2015: Giám đốc khu vực Đông Bắc Duyên Hải tại Công ty TNHH Quang Phổ
- Từ 07/2015 – nay: Quản lý ngành hàng thực phẩm I tại Công ty CP XNK Đức Nguyễn

Bà Đình Thị Phượng - Thành viên HĐQT

Ngày 04/04/2019, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của Bà Đình Thị Phượng, nhiệm kỳ 2017 - 2021, kể từ ngày 04/04/2019.

Ông Nguyễn Văn Khoái - Thành viên HĐQT

Ngày 04/04/2019, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Văn Khoái, nhiệm kỳ 2017 - 2021, kể từ ngày 04/04/2019.

Bà Bùi Thị Ngọc - Thành viên HĐQT

Ngày 04/04/2019, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của Bà Bùi Thị Ngọc, nhiệm kỳ 2017 - 2021, kể từ ngày 04/04/2019.

Ông Phạm Sỹ Thạc - Thành viên HĐQT

Ngày 04/04/2019, HĐQT đã thông qua đơn từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của Bà Bùi Thị Ngọc, nhiệm kỳ 2017 - 2021, kể từ ngày 04/04/2019.

Tỷ lệ dự họp của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi dự họp | Tỷ lệ dự họp |
|-----|------------------------|-----------------|----------------|--------------|
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch HĐQT | 23 | 100% |
| 2 | Đình Thị Phương | Thành viên HĐQT | 23 | 100% |
| 3 | Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên HĐQT | 15 | 65,22% |
| 4 | Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên HĐQT | 15 | 65,22% |

2. Giới thiệu ban kiểm sát

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------|----------------|--------------------|--------------|
| Đặng Thị Phương Thảo | Trưởng BKS | 3.450 | 0,005% |
| Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên BKS | 305.750 | 0,44% |
| Trần Thị Thu Trang | Thành viên BKS | 3.450 | 0,005% |

Bà Đặng Thị Phương Thảo
Trưởng Ban Kiểm sát

- Ngày sinh** : 25/11/1986
- Số CMND** : 031325496
- Nơi sinh** : Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
- Cư trú** : Số 4/412 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ** : Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển

Quá trình công tác :

- Từ tháng 04 năm 2014 : Trưởng BKS CTCP XNK Quảng Bình
- Từ tháng 01 năm 2012 : kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
- Từ năm 2007 đến năm 2008 : Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hải Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Thành viên Ban Kiểm sát

- Ngày sinh** : 22/08/1981
- Số CMND** : 031198265
- Nơi sinh** : Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Cư trú** : Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Trình độ** : Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác :

- Từ tháng 04 năm 2014: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên BKS công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ năm 2011 đến tháng 04 năm 2014: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm kế toán xuất nhập khẩu công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ năm 2006 đến năm 2011 : Phiên dịch tiếng Anh tại CTCP CN Tàu thủy An Đông
- Từ năm 2003 đến năm 2006 : Giáo viên tiếng Anh tại trường THCS Tân Dương

Bà Trần Thị Thu Trang
Thành viên Ban Kiểm sát

- Ngày sinh** : 10/04/1985
- Số CMND** : 031246621
- Nơi sinh** : Cát Hải, Hải Phòng
- Cư trú** : Số 2/28 - Hạ Đoạn 1 - Đông Hải - Hải An - Hải Phòng
- Trình độ** : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

- Từ 04/2010 đến 10/2012: Kế toán
- Từ 09/2010 đến 06/2015: Kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 06/2015 đến 12/2015 : Phó phòng kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 01/2016 đến Nay: Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP XNK Quảng Bình

3. Giới thiệu ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------|---|--------------------|--------------|
| Nguyễn Thị Thanh Hương | Tổng Giám đốc | 9.200.579 | 13,27% |
| Nguyễn Mạnh Tuấn | Giám đốc Kinh doanh | 517.250 | 0,75% |
| Phạm Sỹ Thạc | Giám đốc Kinh doanh hóa chất và Nông thủy sản | 235.130 | 0,34% |
| Bùi Thị Ngọc | Kế toán trưởng (miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính từ 01/04/2018) | | |
| Nguyễn Hữu Dương | Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 02/04/2018, miễn nhiệm kể từ ngày 30/10/2018) | 0 | 0% |

Nguyễn Thị Thanh Hương – Tổng Giám đốc (đã nêu ở trên)

Nguyễn Mạnh Tuấn – Giám đốc kinh doanh (đã nêu ở trên)

Ông Phạm Sỹ Thạc – Giám đốc Kinh doanh (đã miễn nhiệm)

Bà Bùi Thị Ngọc – Kế toán trưởng (đã nêu ở trên)

Ông Nguyễn Hữu Dương – Giám đốc tài chính

4. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | 01-2018/NQ-ĐHCĐ | 14/04/2018 | Thông qua các báo cáo, tờ trình được thảo luận tại Đại hội |

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | 01-03/2018/NQ-HĐQT | 06/03/2018 | Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 |
| 2 | 02-03/2018/NQ-HĐQT | 13/03/2018 | Cấp mới hạn mức tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt |
| 3 | 03-03/2018/NQ-HĐQT | 21/03/2018 | Thông qua phương án bán 02 lô đất thuộc dự án khu nhà ở Phú Thịnh, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội |
| 4 | 04-03/2018/NQ-HĐQT | 09/03/2018 | Về việc vay vốn tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt |
| 5 | 05-03/2018/NQ-HĐQT | 29/03/2018 | Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc Tài chính |
| 6 | 01-04/2018/NQ-HĐQT | 02/04/2018 | Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc Tài chính |
| 7 | 02-04/2018/NQ-HĐQT | 09/04/2018 | Về việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đô |
| 8 | 03-04/2018/NQ-HĐQT | 10/04/2018 | Về việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Phòng |
| 9 | 05-04/2018/NQ-HĐQT | 23/04/2018 | Về việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đô |
| 10 | 06-04/2018/NQ-HĐQT | 24/04/2018 | Về việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đô |
| 11 | 01-05/2018/NQ-HĐQT | 11/05/2018 | Thông qua việc góp vốn vào Công ty CP XNK Cát Long |
| 12 | 02-06/2018/NQ-HĐQT | 25/06/2018 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 |
| 13 | 03-06/2018/NQ-HĐQT | 26/06/2018 | Thông qua phương án thoái vốn đầu tư tại công ty CP DAP - Vinachem |
| 14 | 01-07/2018/NQ-HĐQT | 13/07/2018 | Thông qua việc giải thể chi nhánh Nhà máy NPK |
| 16 | 02-08/2018/NQ-HĐQT | 01/08/2018 | Thông qua phương án xử lý công nợ với công ty TNHH TM Yong-shing |
| 17 | 04-09/2018/NQ-HĐQT | 21/09/2018 | Thông qua đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Sỹ Thạc |
| 18 | 05-09/2018/NQ-HĐQT | 22/09/2018 | Về việc dùng tài sản của công ty làm tài sản đảm bảo |
| 19 | 01-10/2018/NQ-HĐQT | 22/10/2018 | Miễn nhiệm chức vụ giám đốc Tài chính của ông Nguyễn Hữu Dương |
| 20 | 01-12/2018/NQ-HĐQT | 01/12/2018 | Thông qua phương án xử lý công nợ với công ty TNHH TM & DVXNK Thuận Đạt |



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tỷ lệ dự họp của ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi dự họp | Tỷ lệ dự họp |
|-----|------------------------|----------------|----------------|--------------|
| 1 | Đặng Thị Phương Thảo | Trưởng BKS | 05 | 100% |
| 2 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên BKS | 05 | 100% |
| 3 | Trần Thị Thu Trang | Thành viên BKS | 05 | 100% |

Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị - Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018. Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của công ty, việc lập báo cáo và kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và năm, giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến tài chính, đầu tư, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh vv...

Rà soát cũng như xem xét tính pháp lý của các văn bản pháp lý, quy trình quy chế của công ty, giám sát việc tuân thủ pháp luật về tổ chức hoạt động công ty, công bố thông tin, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động vv...

Kiểm tra giám sát việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật, điều lệ công ty. Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro

tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty. Trong quá trình thực hiện công việc kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban điều hành, đồng thời có các ý kiến, kiến nghị phù hợp để HĐQT, Ban điều hành lưu ý trong quá trình quản trị Công ty.

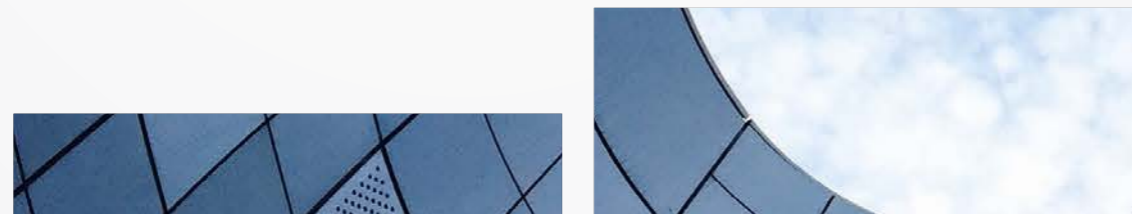
Ngoài ra, các thành viên BKS cũng thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin để nắm bắt kịp thời các hoạt động và tình hình tài chính của công ty, chủ động trong công việc được giao và phối hợp tốt để hoàn thành nhiệm vụ chung của BKS. Kiểm tra số liệu báo cáo tài chính hàng Tháng, Quý, Năm. Ban kiểm soát đã làm việc và phối hợp với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam trong quá trình thẩm định số liệu BCTC năm 2018.

- Đối với cổ đông: Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính năm 2018:

- Trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2018 Công ty lập, Báo cáo Kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất xác nhận việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách được thực hiện đúng quy định, Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán tại Công ty một cách minh bạch và khách quan đúng theo chuẩn mực kế toán và quy định hiện hành.

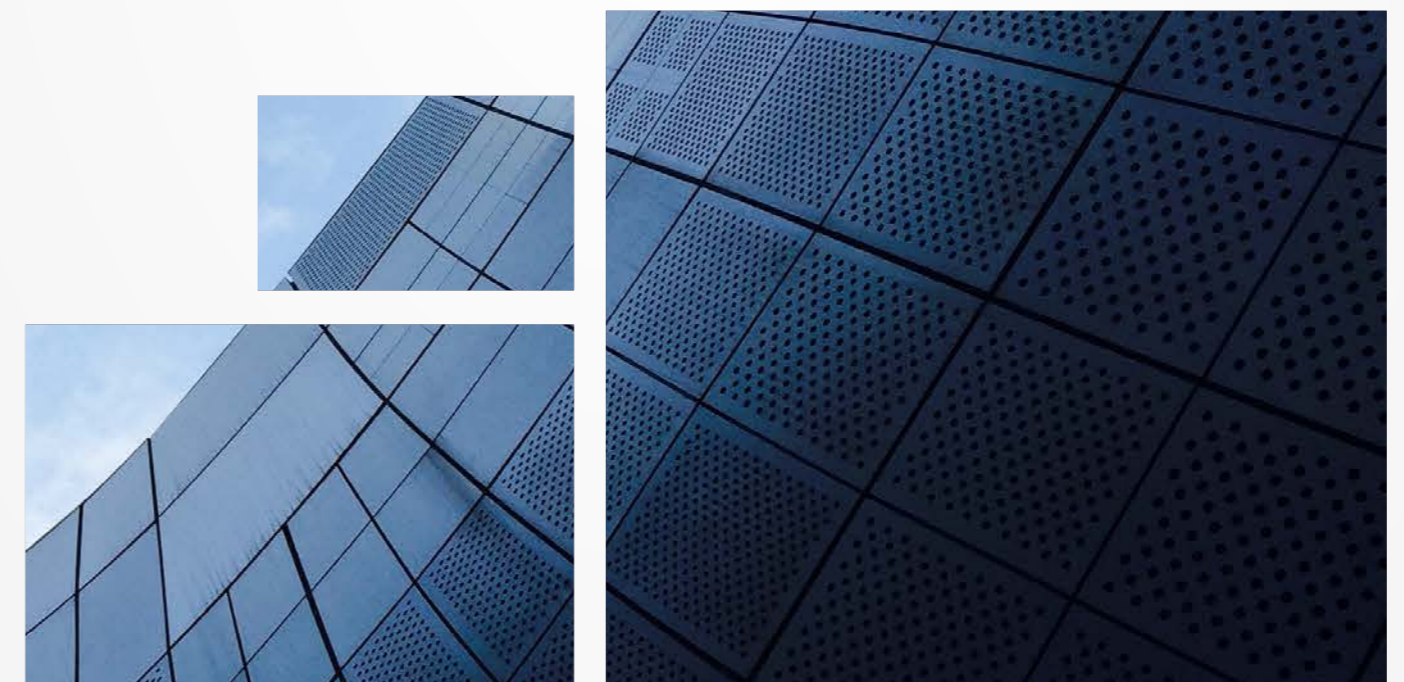
- Đồng thời, Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị cũng như Ban lãnh đạo công ty và không phát hiện bất kỳ bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



| STT | CHỈ TIÊU | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 |
|-----|---|------------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.186.512.434.406 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | - |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.186.512.434.406 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 2.110.560.798.342 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 75.951.636.064 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 20.369.914.905 |
| 7 | Chi phí Tài chính | (24.240.531.820) |
| | Trong đó: Lãi vay | 71.610.243.240 |
| 8 | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 110.673.794 |
| 9 | Chi phí bán hàng | 19.223.456.273 |
| 10 | Chi phí Quản lý Doanh nghiệp | 29.164.690.356 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 72.284.609.954 |
| 12 | Thu nhập khác | 755.256.331 |
| 13 | Chi phí khác | 240.971.137 |
| 14 | Lợi nhuận khác | 514.285.194 |
| 15 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 72.798.895.148 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 13.467.660.553 |
| 17 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 59.331.234.595 |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 856 |

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018:

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Kế hoạch 2018 | Thực hiện năm 2018 | TH/KH |
|-----|--------------------|-------------|---------------|--------------------|--------|
| 1 | Vốn điều lệ | Tỷ đồng | - | - | - |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 3.000 | 2.186,5 | 72,88% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 90 | 59,3 | 65,89% |



3. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý.

- Đầu năm 2018, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2018.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định, chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

* Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc 1 cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo quy định của Điều lệ

và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

- Từ ngày 21/09/2018, ông Phạm Sỹ Thạc – Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng quản trị,

* Ban Tổng Giám Đốc và Bộ máy quản lý:

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật. Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2018.

- Ban Tổng Giám Đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

4. Phương hướng hoạt động năm 2019

- Thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất trên mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty theo Điều lệ quy định.

- Giám sát sự phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO, KHOẢN LỢI

1. Lương, thưởng và thù lao của HĐQT và Ban Giám đốc năm 2018

Tổng số thành viên HĐQT: 05 thành viên. Mức thù lao năm 2018 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng / tháng

- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng / tháng

Thu nhập của HĐQT và Ban giám đốc của Công ty năm 2018 là: 293.103.252 đồng.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Mức thù lao (triệu đồng/ tháng) |
|-----|---------------------------|---------------|---------------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch HĐQT | 5.000.000 |
| 2 | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên | 4.000.000 |
| 3 | Ông Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên | 4.000.000 |
| 4 | Bà Đinh Thị Phượng | Thành viên | 4.000.000 |
| 5 | Ông Phạm Sỹ Thạc | Thành viên | 4.000.000 |

1. Lương thưởng và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018

Thù lao của của BKS theo nghị quyết của ĐHCĐ năm 2018 dự kiến là 120.000.000 đồng. Thực tế chi thù lao của BKS là: 120.000.000 đồng.

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

3. Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan: không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: không có

E **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Triết lý kinh doanh

Bước đột phá vào Logistics

Các tiêu chuẩn về kinh tế

Các tiêu chuẩn về môi trường và cộng đồng

TRIẾT LÝ KINH DOANH

“Giá trị bền vững cho nhà nông” là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn

định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.

BƯỚC ĐỘT PHÁ VÀO LOGISTICS

Cảng cạn (ICD) là đầu mối tổ chức vận tải hàng hóa bằng container gắn liền với cảng biển, sân bay, cửa khẩu đường bộ, đường sắt quốc tế. Phát triển cảng cạn nhằm tổ chức vận chuyển container một cách hợp lý, tăng hiệu quả hoạt động dịch vụ Logistics trên các hành lang vận tải, góp phần giảm ùn tắc giao thông tại cảng biển, cửa khẩu quốc tế và các đô thị lớn.

- Dự án đầu tư cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ của QBS tại Lô CN4. 4F và CN4.4G Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu công nghiệp Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng với tổng diện tích hơn 26 ha với tổng vốn đầu tư hơn 400 tỷ đồng, thời gian hoạt động là 50 năm. Dự án được đầu tư theo 3 giai đoạn và dự kiến sau khi hoàn thành ICD Quảng Bình - Đình Vũ đạt công suất kho hàng 100.000 tấn/năm, bãi chứa là 400.000 - 500.000 TEU/năm.

- Hiện nay, dự án đã hoàn thành giai đoạn I và được Bộ Giao thông vận tải cấp phép mở cảng, đồng thời, chúng nhận địa điểm làm thủ tục hải quan thông quan hàng hóa tại cảng.

- Đây không phải là lần đầu tiên QBS đầu tư vào Logistics. Từ năm 2013, QBS bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực kho bãi với việc đưa vào khai thác kho ngoại quan tại Quán Toan, Hải Phòng với diện tích 2 hecta (tính đến nay) và sau đó tiếp tục xây dựng địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa XNK rộng 4,38 ha tại khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng, Cao Bằng; Kho ngoại quan rộng 8,138.8m2 tại lô F19, Khu Công Nghiệp Đông Phố Mới, Thành Phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; bãi trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tại huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên và bãi thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu A Pa Chải, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Tuy nhiên, về quy mô lẫn tổng vốn đầu tư, Dự án ICD Quảng Bình - Đình Vũ đều vượt trội so với các công trình

khác mà QBS đã đầu tư để phục vụ hoạt động Logistics. Đặc biệt, tính ưu việt của dự án cảng cạn so với đầu tư vào cảng biển là vốn đầu tư cho cảng cạn chỉ bằng 1/3 vốn đầu tư cho cảng biển có cùng diện tích và quy mô.

- Mục tiêu trọng tâm: Việc đầu tư vào Logistics của QBS chủ yếu nhằm chủ động hơn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh chính (mảng kinh doanh phân bón – hóa chất và mặt hàng nông - thủy sản đông lạnh). Thay vì thuê ngoài, QBS có kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu của quá trình tự vận chuyển, lưu kho hàng hóa, qua đó giảm chi phí kho bãi và tiến một bước dài, tiên phong trong lĩnh vực khai thác ICD trên địa bàn Hải Phòng.

Mặt khác, hoàn thiện một hệ thống các cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng phục vụ một cách toàn diện cho hoạt động Logistics, xứng tầm trở thành trung tâm Logistics của thành phố Hải Phòng, là một trong những cảng cạn lớn nhất khu vực phía Bắc.

* Cơ sở hạ tầng:

+ Kho Ngoại quan: có diện tích 7000 m2, nền kho chịu được tải trọng 40 tấn.

+ Kho hàng đông lạnh: có diện tích 1000 m2, trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ và đảm bảo hàng hóa, thực phẩm được bảo quản đúng tiêu chuẩn.

+ Bãi Container, máy soi container:

+ Địa điểm làm thủ tục Hải quan:

+ Hệ thống phòng cháy được trang bị đầy đủ

+ Khu vực dịch vụ hậu cần, kinh doanh: (đang được lập kế hoạch triển khai trong các giai đoạn tiếp theo từ nay đến 2020)

Cải thiện chất lượng dịch vụ cảng biển:

ICD ĐÌNH VŨ – QUẢNG BÌNH CHÍNH THỨC NẪM TRONG QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG CẠN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Quyết định số 2223/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển hệ thống Cảng cạn Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” nhận định:

Chức năng của cảng cạn (ICD)

- Nhận và gửi hàng hóa được vận chuyển bằng container;
- Đóng hàng vào và dỡ hàng ra khỏi container;
- Vận chuyển hàng container từ cảng cạn đến cảng biển và ngược lại;
- Kiểm tra và hoàn tất thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu;
- Gom và chia hàng lẻ đối với hàng có nhiều chủ trong cùng container;
- Kho, bãi tạm chứa hàng xuất, nhập khẩu và container rỗng;
- Sửa chữa và bảo dưỡng container.

+ Hiện nay các ICD tại Việt Nam không chỉ là điểm thông quan nội địa mà còn cung cấp các dịch vụ logistics quan trọng cho các luồng hàng vận chuyển dùng container.

+ Phát triển các ICD là xu hướng tất yếu trong bối cảnh cần giảm ách tắc cảng biển để tăng khả năng thông quan, cải thiện các dịch vụ đóng gói, lưu kho bãi, làm thủ tục hải quan... Đối với những khu vực xa cảng biển, chi phí vận chuyển thẳng ra cảng tốn kém hơn chi phí trung chuyển tại cảng cạn.

Đây cũng là thành phần không thể thiếu trong chuỗi vận tải đa phương thức. Với số lượng các cảng biển lớn, vận chuyển hàng hóa đường biển chiếm tới 80% sản lượng trong XNK hàng hóa, nên các ICD cũng rất phát triển.

+ Cho đến nay, các ICD được đánh giá là các cơ sở cung ứng dịch vụ logistics tập trung nhất ở Việt Nam. Hiệu quả của các ICD là không thể phủ nhận, nhất là đối với các khu vực xa cảng biển, chi phí vận chuyển thẳng ra cảng tốn kém hơn chi phí trung chuyển qua ICD. Các ICD không chỉ đảm đương chức năng làm vệ tinh cho cảng biển mà đã và đang gánh vác một phần không nhỏ khối lượng nhu cầu dịch vụ logistics trong các chuỗi cung ứng hàng hóa trong và ngoài nước.

Nằm trong quy hoạch cụm cảng Đình Vũ, cảng cạn Đình Vũ – Quảng Bình (Quảng Bình – Đình Vũ) của Công ty CP XNK Quảng Bình cùng với Cảng cạn Tân Cảng Hải Phòng là hai cảng cạn lớn và duy nhất của thành phố Hải Phòng.

Cảng ICD Đình Vũ – Quảng Bình với vị trí đắc địa của khu công nghiệp hiện đại nhất Hải Phòng - Khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải, chỉ cách các cảng container lớn của Hải Phòng từ 1-2Km (Tân Vũ, Nam Hải Đình Vũ, Đình Vũ, VIP Green Port, Tân Cảng 189, PTSC); cách cảng nước sâu Lạch Huyện chưa tới 10 Km thông qua cầu vượt biển Tân Vũ; cách cầu Bạch Đằng, điểm đầu của cao tốc Hải Phòng - Hạ Long và cao tốc Hải Phòng - Hà Nội chỉ 3 Km;

Cách sân bay Quốc tế Cát Bi 5 Km; nằm trên tuyến đường sắt liên vận Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh (Trung Quốc). Bao quanh ICD Quảng Bình - Đình Vũ là 3 tuyến đường bộ với chiều rộng 68 m (đường KCN Đình Vũ, đường KCN Minh Phương, đường nối cầu Tân Vũ và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hải Phòng - Hạ Long), là cảng cạn đáp ứng cao tiêu chí kết nối các phương thức vận tải.



CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ

- Tổng doanh thu từ hoạt động Sản xuất - kinh doanh năm 2018 của Công ty (sau hợp nhất) đạt 2.186,5 tỷ đồng, chiếm 72,88% so với doanh thu kế hoạch năm 2018.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN đã hợp nhất của QBS năm nay đạt 59,331 tỷ đồng, chiếm 65,92% so với chỉ tiêu kế hoạch năm (90 tỷ đồng). Tuy chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhưng so với năm 2017, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty trong năm 2018 tăng vượt trội với mức tăng 36,79 tỷ đồng (+63,24%).

CÁC TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Trách nhiệm về xã hội cộng đồng

Trong chiều ngày 21/12/2018, đoàn từ thiện Công ty CP XNK Quảng Bình đã trao hơn 500 suất quà cho thầy và trò tại trường gồm chăn, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, với tổng giá trị gần 80 triệu đồng.

Biết đến điểm trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Huổi Mí từ đầu năm 2016, chuyến đi này là chuyến đi lần thứ tư Công ty CP XNK Quảng Bình đến thăm và mang những vật dụng thiết yếu trao cho thầy và trò tại trường.

Bản Sầu Chua nằm trên những ngọn đồi cao và sau những con đường dốc quanh co – cách thị trấn Sa Pa khoảng 6km, do vị trí địa lý, nhiệt độ ở đây lúc nào cũng thấp hơn Sa Pa khoảng 2 độ C. Tại đây, đoàn từ thiện Công ty CP XNK Quảng Bình trao 18 suất quà cho các gia đình của bản, bao gồm ủng, suất quà Tết, quần áo ấm đã được phân loại theo độ tuổi của từng gia đình với tổng giá trị hơn 15 triệu đồng.

Bên cạnh việc đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, Ban Lãnh đạo Công ty CP XNK Quảng Bình rất chú trọng công tác từ thiện, nhân đạo, là một trong những doanh nghiệp của thành phố tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

2. Trách nhiệm với người lao động

* Chính sách lương - thưởng:

Chính sách lương: người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả thực tế cao cho Công ty.

* Phúc lợi - đãi ngộ:

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hỉ, ...
- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của Người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty;
- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với Người lao động.

* Đào tạo - tuyển dụng:

Công tác đào tạo: gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, đơn vị sản xuất, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học. Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2018**

CTR
14.65%
↑ 10.6%

Quality Score

9.38

↓ -0.1%

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 02-03 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05-06 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 07 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 08-09 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10-43 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|---------------------------|------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Chủ tịch | |
| Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Hoàng Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018 |
| Bà Đinh Thị Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018 |
| Bà Bùi Thị Ngọc | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14/04/2018 |
| Ông Phạm Sỹ Thạc | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/09/2018 |
| Ông Nguyễn Văn Khoái | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14/04/2018 |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------------|---------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hương | Tổng Giám đốc |
|---------------------------|---------------|

Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------------|------------|
| Bà Đặng Thị Phương Thảo | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang | Thành viên |
| Bà Trần Thị Thu Trang | Thành viên |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Số: 378/BCKT/TC/VNS

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình,
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 973.554.889.169 | 1.094.195.689.034 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 24.337.271.891 | 64.283.124.830 |
| 1. Tiền | 111 | | 24.337.271.891 | 63.413.518.764 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 869.606.066 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 10.000.000.000 | 11.968.540.785 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 10.000.000.000 | 11.968.540.785 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 846.822.737.614 | 856.622.505.313 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 732.715.666.375 | 471.999.893.863 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 112.327.218.292 | 348.622.626.433 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 18.675.606.238 | 39.466.199.367 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (16.895.753.291) | (3.466.214.350) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 81.237.668.703 | 144.186.557.651 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 81.237.668.703 | 144.186.557.651 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 11.157.210.961 | 17.134.960.455 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 15 | 10.989.395.001 | 9.055.717.435 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 167.815.960 | 70.468.417 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18 | - | 8.008.774.603 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 977.003.356.327 | 935.879.382.514 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 344.657.180.234 | 354.534.767.477 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 255.358.780.153 | 265.186.839.568 |
| - Nguyên giá | 222 | | 305.226.057.043 | 292.583.445.619 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (49.867.276.890) | (27.396.606.051) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 89.298.400.081 | 89.347.927.909 |
| - Nguyên giá | 228 | | 89.347.927.909 | 89.347.927.909 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (49.527.828) | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 12 | 2.993.965.222 | 3.140.993.159 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.993.965.222 | 3.140.993.159 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6 | 330.064.637.803 | 274.567.309.150 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 107.373.624.546 | 105.881.626.363 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 234.503.969.597 | 295.089.294.645 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (11.812.956.340) | (136.478.611.858) |
| 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | 10.075.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 299.287.573.068 | 303.636.312.728 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 299.287.573.068 | 303.636.312.728 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.950.558.245.496 | 2.030.075.071.548 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.062.442.908.405 | 1.220.968.234.531 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 768.765.123.132 | 897.293.594.531 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 193.010.747.295 | 99.969.006.633 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 17 | 181.686.420.640 | 89.695.316.355 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 3.873.963.970 | 3.548.686.357 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 328.209.559 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 430.663.937 | 705.621.895 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 122.322.984 | 27.692.013.301 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 21 | 384.364.029.550 | 670.734.184.793 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4.948.765.197 | 4.948.765.197 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 293.677.785.273 | 323.674.640.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 21 | 289.603.800.000 | 323.674.640.000 |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 4.073.985.273 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 888.115.337.091 | 809.106.837.017 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 22 | 888.115.337.091 | 809.106.837.017 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 693.299.280.000 | 693.299.280.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (3.249.100.000) | (3.249.100.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 9.761.921.400 | 9.761.921.400 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 186.277.279.890 | 109.294.735.617 |
| - LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước | 421a | | 126.972.001.096 | 86.756.135.489 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 59.305.278.794 | 22.538.600.128 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 2.025.955.801 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.950.558.245.496 | 2.030.075.071.548 |

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | 2.186.512.434.406 | 3.494.784.316.256 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 2.186.512.434.406 | 3.494.784.316.256 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 2.110.560.798.342 | 3.316.797.902.749 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 75.951.636.064 | 177.986.413.507 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 20.369.914.905 | 13.247.628.481 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | (24.240.531.820) | 121.637.750.556 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 71.610.243.240 | 75.034.239.134 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 110.673.794 | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 28 | 19.223.456.273 | 27.139.673.137 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 29.164.690.356 | 12.534.413.614 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)) | 30 | | 72.284.609.954 | 29.922.204.681 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 755.256.331 | 2.091.393.540 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 240.971.137 | 3.327.140.988 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 514.285.194 | (1.235.747.448) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 72.798.895.148 | 28.686.457.233 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 30 | 13.467.660.553 | 6.147.857.105 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 59.331.234.595 | 22.538.600.128 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 59.305.278.794 | 22.538.600.128 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 25.955.801 | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | | 325 |



Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|--|-------|-------------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 72.798.895.148 | 28.686.457.233 |
| 6. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 22.520.198.667 | 13.473.169.815 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (87.399.975.864) | 41.937.229.813 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (94.288.263) | 1.530.678 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (12.942.083.582) | (2.720.874.299) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 71.610.243.240 | 75.034.239.134 |
| 12. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 66.492.989.346 | 156.411.752.374 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (5.116.732.991) | (119.710.075.327) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 62.948.888.948 | (26.740.051.517) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 154.657.755.852 | (151.277.233.504) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.415.062.094 | 21.004.778.001 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (71.885.201.198) | (74.320.252.430) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.000.000.000) | (6.800.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 207.512.762.051 | (201.431.082.403) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (15.159.242.909) | (13.863.346.981) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 18.000.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (729.741.115) | (12.043.540.785) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 12.773.281.900 | 7.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (1.000.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 67.224.400.000 | 109.511.700.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 7.876.327.147 | 5.845.254.315 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 70.985.025.023 | 114.450.066.549 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 2.000.000.000 | (248.000.000) |
| 2. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 260.936.703.010 | 2.257.545.973.950 |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (581.385.285.441) | (2.347.566.094.242) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(318.448.582.431)</i> | <i>(90.268.120.292)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i> | <i>50</i> | | <i>(39.950.795.357)</i> | <i>(177.249.136.146)</i> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 64.283.124.830 | 241.533.791.654 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 4.942.418 | (1.530.678) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 5 | 24.337.271.891 | 64.283.124.830 |



Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

| Tên công ty | Trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|------------------------------------|--------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát | Hải Phòng | 99,00% | 99,00% | Sản xuất phân bón |